# TRI TÂN

## TẠP CHÍ VĂN HÓA

### RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in 95-97 phố Chanceaulme, Hà-nội

**TRONG SỐ NÀY :**


* Lối văn cử-nghiệp... — *Hoa-Bằng*
* Đại-Nam dật-sự (VIII) — *Nguyễn-Văn-Tố*
* Phê-bình với văn-học-sử — *Kiều thanh-Quế*
* Bà lớn đuổi vơi — *Trúc-Khê*
* Quyển « Đời sống thời cổ » — *Ứng-Hòe*
* Những ông nghè triều Lê (LXI) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Sự thực câu chuyện nước bể hóa vàng... — *Ngô đức Kính*
* « Hậu-lai cách-trí » của Hoàng Diệu Minh (Hết) — *Đỗ-Thúc*
* Tạo-hóa và nhân-loại — *Minh-Tuyền.*
* Ngọc-Hân — *Tân-Phương*
* Từ hội-nghị Diên-hồng (Hết) — *Khuông-Việt*
* Tùy-hứng — *Giản chi*
* Cháy cung Chương-Sơ (Hồi thứ VI, IV) — *Chu-Thiên*


Năm thứ ba — Số 111
Thứ năm 9 Septembre 1943

0$30

# Lối văn cử-nghiệp

## khác với lối văn ngoài trường-ốc thế nào?

HOA-BẰNG

CHẾ độ khoa-cử xưa có nhiều cách bó buộc sĩ-tử: kinh-nghĩa phải đủ tám vế, phú phải áp vận (1), thơ nhiều khi phải gieo vần theo chữ của người ra đầu bài đã hạn dùng... Ngoài ra, khi viết văn còn phải tránh tên húy nhà vua (tỵ húy) hoặc bớt nét những chữ mà đương triều đã chỉ-định (2). Thế cũng chưa hết. Còn phải viết đài cách-cách những chữ như Trời, Đất, Vua, Miếu, Xã, Tắc, Vua chúa, Thái hậu, Hoàng hậu đương triều tùy theo thứ bậc hơn kém mà đài cao hay thấp. Đó là thể-thức bó-buộc trong khi viết quyển! Lỡ quên hay lầm một chút là bị đánh hỏng vì phạm trường quy.

***

Còn về phần tinh thần? Người ta vạch vẫn một con đường để lũa sĩ-tử phải đi, đi theo vết chân của cổ giả, không được lệch ra ngoài khuôn sáo của mấy ông tiên-nho bên Tàu: giải nghĩa Kinh Truyện phải theo Trình, Chu, bàn luận học thuật phải dựa vào những lời « Tử viết », làm văn phải kiếm những « chữ súc » và những « văn liệu, thi liệu » rất sáo, rất nhừ...

Vì lối khoa-cử xưa ràng-buộc người ta vào lao-lung, nên đã có câu thơ phê-bình rất chua chát:

*« Tầm đắc anh hùng tận bạch đầu! »*

尋得英雄盡白頭

Ý nói:

*Lừa cho những tay anh-hùng phải mải miết vào khoa-cử rồi đến trắng quách cả đầu!*

***

Một khi đã tập cử-nghiệp mà muốn lấy đỗ, lẽ tất nhiên, người ta, từ sự học-hành đến lối viết văn, buộc phải uốn mình theo lề trường-ốc. Trường ốc là cái khuôn, sĩ-tử chỉ là nắm bột: khuôn tròn thì bột tròn, khuôn vuông thì bột vuông.

Dưới ảnh-hưởng của chế-độ khoa cử ấy, trong văn giới ta đã đẻ ra một thứ văn gọi là « văn cử-nghiệp

Tôi không muốn mời các bạn đọc phải tốn công mở lại những bài văn bằng chữ hán đã in trong những tập *Hương thi văn tuyển* hoặc *Hội thi văn tuyển* xưa, nhưng xin trích dẫn một bài văn bằng quốc-ngữ làm kiểu mẫu cho sĩ-tử đi thi Hương ở trường Nam-định hồi năm 1910:

**Lời người cha dạy con khi con được bổ đi tri-phủ (3)**

*« Than ôi! trẻ cậy cha, già cậy con, sự trông cậy cũng nhiều đường, thứ nhất là phải ở sao cho trọn điều trung hiếu. Điều trung hiếu là đầu trong luân lý, những cách chính trị cũng ở đấy mà ra; nhời thánh hiền giậy lại, học để biết cách làm người, cũng có khi học để biết cách làm quan nữa.*

« ... (giữa lược)

*« ... Nhớ xưa ông Tử-sản làm quan có 4 điều tốt. Một là sửa mình biết nhún nhường; hai là thờ trên biết kính cẩn; ba là chăm lạm ơn cho dân; bốn là lấy nghĩa phải dạy dân. Đức thánh Khổng khen cho là người quân-tử. Cha nay cũng lấy đạo quân-tử dạy con và mong con còn như phận sự con ra làm quan, con đã học sách phải biết chức phủ, huyện là cha mẹ dân, là thầy dạy dân, phải nghĩ sao cho xứng-đáng. Sách lại-trị có câu rằng: ngoài chỗ nha môn, khoan một phần dân nhờ một phần, trong chỗ nha môn, nghiêm một phần dân nhờ một phần, nghĩa là khoan với dân nhưng phải nghiêm với nha, muốn làm sự lợi hãy trước giữ cho khỏi tệ đã. Trong hạt nếu còn nhiều chộm cướp con về đó, con phải nghĩ cách dẹp cho được yên. Một là cách hình pháp, hai là cách nhân từ nhưng so lại làm cho dân sợ không bằng làm cho dân yêu. Thế thì sự giáo-dục lại cần thứ nhất, bởi vì dân có biết học thì mới biết nhẽ phải, thì quan mới dễ cai-trị. Những các sự công ích như là sự giồng cây*

*việc buôn bán, sự công nghệ, con cũng phải lấy cách mồi dạu dân, để cho trong hạt một ngày một thịnh giầu lên. Dân giầu có thể biết đường liêm sỉ, chả lo gì chộm cướp nữa. Chữ rằng* : quan thanh dân tự an. *con nhớ không ? Sau này truyện tuần-lại ở trong sách Đông-dương Tân-sử, con mới được dự tên vào, trước không phụ ơn nhà nước, sau bõ công cha, thế là vừa được hiếu vừa được trung. Người ta có câu nói rằng: Con hơn cha nhà có phúc, sự cha mong con còn về nhiều.* » *(4)*

(Phạm-văn-Thụ) (5)

Đó là một bài văn phép tắc lề-lối, đầu đuôi hô ứng rất chặt-chẽ : Đoạn đầu, nêu lên hai chữ « trung hiếu », đến đoạn cuối lại lấy hai chữ «trung hiếu» mà kết-thúc, khiến cho trước sau nhất khí, mạch lạc liên-thông, rất đúng cái phép khai, thừa, chuyển, hợp. Tựu trung lại viện-dẫn kinh điển, trưng ra lời hay, việc tốt của thánh hiền : văn như thế rất lợi trường ốc. Nhưng phải cái từ đầu đến cuối, nó cứ phăng phẳng đều đều, không hay, không dở, làm cho người đọc có cái cảm tưởng như ăn cơm nguội, cá kho, không có gì là khoái trá cho miệng lưỡi.

Văn cử nghiệp ngày xưa đại khái đều như thế cả. Vì, như trên đã nói, văn khoa-cử chỉ là lối viết theo khuôn sáo trường-ốc. Viết cho đủ phê, thế là đỗ đấy.

***

Bây giờ xin mời các bạn thử thưởng thức một bài văn ngoài trường ốc xem thể-chế khác nhau thế nào. Tôi lấy bài « *Đánh bạc* » của Tản-Đà làm tỷ-dụ :

«...*(trên lược) Ngồi vào bàn bạc mà chơi ai không muốn được. Nhưng sao cho được mà không thua. Thua rồi lại được, được rồi lại thua, đỏ đỏ đen đen lên voi xuống chó. Trong năm canh hi-hục, được hằng vui, thua dễ bẩn, thường tình ai cũng như ai. Giời chưa sáng, đêm còn dài, thời đồng tiền trong tay, nhiều cũng chưa hẳn có, hết cũng chưa chắc không. Tàn đến lúc đ ng dậy ra về, còn gì mới là được.*

«...*(giữa lược)*..

«*Này ai ơi ! Thử trèo bức tường đồ, trông quãng đường xa, mồ con mả nhớn, chỗ năm chỗ ba chẳng quan thời dân, chẳng trẻ thời già, trước cũng người cả, bây giờ đã ma ! Nào tiền nao của, nào cửa nào nhà, nào con nào vợ, nào lợn nào gà, nào câu đối đỏ nào mành-mành hoa, nào đâu đâu cả ? mà chỉ thấy sương mù, nắng dãi với mưa sa ! Cuộc nhân thế từ xưa mãi thế, làng chơi ta phải biết, trăm năm khôn dại dễ ru mà ?* »

Đọc xong, ta thấy, khác với bài « Dạy con » ở trên, bài này có vẻ kỳ dật ngoài vòng then khóa. Nó như con tuấn mã giong ruổi trên đường thiên lý, lớp sóng bạc dào-giạt trong biển khơi. Nó không có cái sáo của mùi trường ốc, nó không chịu uốn nắn theo lề-lối cây cảnh trong chậu sứ, nhưng có cái sinh-khí của cây tự-do mọc trong rừng sâu. Ngoài những lời xinh tươi, điệu uyển-chuyển, nó còn nhuộm một màu sắc triết lý nữa.

Tác-giả nó cố ý cho rằng cuộc đời chỉ là một canh bạc. Sau khi tan cuộc trăm năm, bấy giờ mới rõ ai thua, ai được.

« *Khôn dại đều về ba thước đất* », rút cục chỉ còn cái tiếng để lại là lãi về sau. Càng là để tiếng, nhưng kẻ dì xử, người lưu phương, khác nhau chỉ ở chỗ đó.

Dẫu vậy, cái triết lý ấy cũng không phải mới lạ gì. Chẳng nó chỉ trong các sách của Lão, Trang, Nho, Thích đã có nhan nhản, mà ngay ở trong các câu phong dao ngạn ngữ, là thứ tư-tưởng cố hữu của dân Đại Việt ta, đã nói trước tác-giả nó rồi :

« *Ở đời muôn sự của chung,*
« *Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi* »

Và :

« *Cọp chết để da, người ta chết để tiếng lại.* »

Chẳng qua tác-giả nó khéo nhân cái triết-lý cố hữu ấy mà phu-diễn cho thành một bài văn đẹp đẽ đó thôi.

***

Sau khi đã so sánh hai bài văn một bài theo lối khoa cử, một bài ngoài trường ốc — ta thấy một đằng có cái đẹp phấn sáp của cô con gái bó chân và che lúp mặt ; còn một đằng là cái đẹp lộng lẫy hồng hào của cô con gái ưa tập thể thao, hình thể được nở nang, các bộ-phận đều cân-đối theo tỷ lệ.

HOA BẰNG

1) Cứ mỗi chữ cuối một vế đối trong bài phú, là phải dùng chữ ăn vần với nhau mà ấu vào.

2) Cũng vì trại tên, nên nhà vua bắt người viết phải bỏ bớt nét những chữ huy. Lối này gọi là tỉnh hoạch.

3) Bài này cũng như bài dưới đều chép đúng nguyên văn từ cách chấm câu đến cách viết vần quốc ngữ

4) Quốc văn luận thể, trang 3 — 5. Cổ thành, Hà nội, xuất bản, nhà in Đông kinh ấn, 1912.

5) Đây tôi chỉ muốn mượn một bài văn thi đương bằng quốc ngữ để làm đại biểu cho lối văn cử nghiệp khiến bạn đọc biết qua thể-thức lối văn xưa là thế, chứ không có ý gì khác. Xin đừng hiểu lầm rằng kẻ viết bài này có ý phê bình hơn kém gì hai tác giả có đi vào cho tội trích dẫn đây

# ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 8 *Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ*

## VI. — Thủ - đoạn tàn - nhẫn của Lã-Đại

Những chức thứ-sử thái-thú ở Tàu sang có nhiều người tuy không được nhân - từ như Giả-Tung, Sĩ-Nhiếp, nhưng không đến nỗi tham-bạo như Tô-Định, Chu-Phù. Thí-dụ như Lã-Đại, kể về mưu-lược làm cho Lâm-ấp, Phù-nam sang tận nhà Ngô dâng cống, thì đối với Tàu cũng đáng công thật ; nhưng đối với sáu anh em Sĩ Huy, đã dỗ ra hàng mà lại giết cả đi, và sau vào đánh Cửu-chân giết dân hàng vạn, thì thật là người tàn-bạo : chính trong sử Tàu như quyển *An - nam chí nguyên* (quyển 3, trang 151) cũng chép lời Tôn-Thịnh chê rằng « Vỗ về người xa, yên-ổn người gần, chẳng gì hay hơn điều tín. Lã-Đại lấy Sĩ - Khuông làm sư-hữu để thông tin-tức và lời thề đến Sĩ-Huy, cho nên anh em Sĩ-Huy ra hàng, mà Lã-Đại lại nhân đấy giết đi để cầu công, cầu lợi ! Vì thế người quân-tử biết Tôn-Quyền không phải là người viễn-lược mà họ Lã không được bền-lâu. » (1)

Nguyên nam bính-ngọ (226 sau T. C.) là năm Hoàng-vũ thứ năm của Ngô-Quyền, tức năm Kiến-hưng thứ tư của nhà Hán, năm Hoàng-sơ thứ bảy của nhà Ngụy Ngô-Quyền nghe Sĩ-nhiếp mất, cho là Giao chỉ (*Đại-Việt sử-ký toàn - thư*, quyển 4, tờ 1 a, chép là Giao-châu) xa - cách, mới chia từ Hợp-phố về phía bắc làm châu Quảng, cho Lã-Đại làm thứ - sử ; từ Hợp-phố về phía nam làm châu Giao, cho Đái-Lương làm thứ-sử ; lại sai Trần-Thì thay Sĩ - Nhiếp làm thái-thú.

Lã-Đại ở lại Nam-hải. Đái-Lương cùng với Trần - Thì đi trước đến Hợp-phố, thì con Sĩ-Nhiếp là Sĩ-Huy đã tự - xưng làm Giao - chỉ thái-thú và đã phát binh chống-cự.

Khi Đái - Lương ở Hợp - phố, chức lại cũ của Sĩ-Nhiếp là Hoàn-Lân cúi đầu cam Sĩ-Huy, bảo phải đón Đái - Lương. Sĩ - Huy giận, đánh chết Hoàn-Lân. Anh Hoàn-Lân là Trị, con Hoàn-Lân là Phát, hợp tất cả quân trọng họ đánh Sĩ-Huy. Huy đóng thành giữ chặt. Bọn Trị đánh mấy vài tháng, không hạ được, mới xin hòa ước thôi quân.

Bấy giờ Lã-Đại đã phụng chiếu vua Ngô để giết Sĩ-Huy, đem quân đi từ Quảng - châu, ngày đêm thẳng tới Hợp - phố, cùng Đái-Lương đến trước, dụ con Sĩ-Nhất (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 1, b, chép nhầm là con Sĩ-Nhiếp), là trung-lang - tướng Khuông, sai nói với Sĩ-Huy bảo « thú tội, tuy mất chức quận-thủ, nhưng không lo gì ». Lã-Đại đi theo Khuông đến sau. Anh Sĩ-huy là Chi, em là Cán và Tụng, cả bọn sáu người đều cởi tay áo đón Lã-Đại (theo tục Tàu, cởi một tay áo là đã chịu hàng). Lã-Đại cảm ơn và bảo mặc áo lại rồi đi đến quận trước.

Sớm hôm sau, Lã-Đại cho làm rạp mời anh em Sĩ-Huy lần lượt vào ngồi ghế tân - khách : ngồi đủ cả rồi, Lã-Đại đứng dậy, cầm cờ tiết, đọc chiếu-thư kể tội Huy, rồi trói lại chém, gửi đầu về Vũ-xương (*Toàn thư*, quyển 4, tờ 1 b, chép hơi khác : Anh em Sĩ-Huy sáu người cởi tay áo đón Lã-Đại ; Đại cứ ăn mặc thường, đến quận trước... kể tội Sĩ - huy : hai bên thuộc hạ quay lại trói anh em Sĩ-Huy, đem ra chém hết, gửi đầu về Vũ-xương).

Sĩ-Nhất, Sĩ - Vĩ, Sĩ - Khuông ra thú sau, vua Ngô tha tội ; người làm con tin của Sĩ - Nhiếp tên là Sĩ-Khâm (*Toàn-thư* biên là Liễm) cũng được tha, nhưng đều phải cách làm thứ-nhân. Vài năm sau, Nhất và Vĩ có tội bị giết ; duy có Khuông phải bệnh, mất trước.

Khi Sĩ-Khâm mất, tướng của Sĩ-Huy là Cam-Lễ và Hoàn-Trị đem lại-dân đánh Lã-Đại : Đại phá được, tiến-phong làm Phiên-ngung-hầu (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 3 b, chép Lã-Đại được phong vào hồi làm quan mục châu Giao, và chua rằng : có chỗ chép Lã-Đại được phong Ngụy-quận Lăng-lệ công).

Bấy giờ bỏ Quảng-châu, lại đặt Giao-châu như cũ.

Lã-Đại dẹp xong bọn Sĩ-Huy ở Giao-châu, thì tiến đánh Cửu-chân, giết kể hàng vạn. Rồi sai chức tùng-sự đến phía nam tuyên rõ đức-hóa của vua Ngô, cho nên vua các nước Phù-nam, Lâm-ấp, Đường minh đều sai sứ sang cống : Ngô-Quyền khen là có công, tiến-phong Lã-Đại chức Trấn-nam tướng-quân.

Đến năm Hoàng-long thứ ba (231 ; *Toàn thư*, quyển 4, tờ 2 b, chép nhầm là Hoàng-vũ), Mán Ngũ-khê ở Vũ-lăng làm phản, Vua Ngô cho là đất Nam đã yên, vời Lã-Đại về dẹp. Thái-thú Hợp-phố là

Tiết-kinh-Văn (*Toàn thư* chép là Tiết-Tung) sợ người thay Đại không xứng-đáng, mới dâng sớ nói rằng: « Xưa vua Thuấn đi tuần phương nam, mất ở Thương-ngô; nhà Tần đặt Quế-lâm, Nam-hải, Tượng-quận, thì những nước bốn phương nội-thuộc với Tàu, đã có từ lâu. Triệu-Đà khởi ở Phiên-ngung, vỗ-về những vua Bách Việt, tức là từ Châu-quan (*Toàn-thư* chép là Châu-nhai) trở về phía nam. Hán Vũ-đế giết Lã-gia, chia nước Nam làm chín quận, đặt thứ-sử để trông-coi, đem những người ở Trung-quốc sang, (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 2 b, chép là người có tội), cho ở lẫn với dân, để dân biết học sách và tập tiếng nói, và để sứ-giả đi lại xem thấy lễ-nghĩa giáo-hóa. Kịp khi Tích-Quang làm thái-thú Giao-chỉ, Nhâm-Diêm làm thái-thú Cửu-chân, dựng học-hiệu, dạy lễ-nghĩa: từ đấy trở về sau hơn bốn trăm năm, dân đã hơi biết; nhưng đất rộng người nhiều, núi rừng hiểm-trở, dễ sinh ra loạn.

« Tôi thấy. Hoàng-Cái, người Nam-hải, được làm thái-thú Nhật-nam, khi xuống xe (ngày mới đến nhậm chức), vì lại-dân cung-ứng trần-thiết không được hậu, nên đánh chết chức chủ-bạ, nhưng sau bị họ đuổi. Lại như việc thái-thú Cửu-chân là Thiêm-manh, vì bố vợ là Chu-Kinh làm chủ-nhân một tiệc rượu, mời tất cả đại-lại uống say rồi cử nhạc; công-tào là Phan-Hàm đứng dậy múa, bắt Chu-Kinh cũng đứng dậy, Kinh không chịu, Hàm cố ép, vì thế Manh giận, đánh Hàm (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 3 a, chép là giết Hàm): em Hàm là Miêu đem quân đánh phủ-trị, Manh bị chết. Thái-thú Giao-chỉ là Sĩ-Nhiếp đem quân đến đánh không được

« Thứ-sử cũ là Chu-Phù cho những bọn người làng là Ngu-Bao, Lưu-Ngạn, làm trưởng-lại, để lấn hiếp trăm họ, lấy thuế nặng của dân, một con cá vàng thu một bộc lúa, trăm họ ta-oán, sinh ra làm phản, đánh châu phá quận. Chu-Phù chạy xuống bể, trôi mất xác.

« Rồi đến Trương-Tân, người Nam-dương, sang làm thứ-sử, uy-vũ không đủ, bị dân khinh nhờn, cũng bị giết. Sau khi Trương-Tân chết, Lưu-Biểu sai Lại-Cung là bậc tiên-bối nhâm-hậu thuần-cẩn, nhưng không hiểu việc đời. Lại sai Ngô-Cự làm thái-thú Thương-ngô: Ngô-Cự là người vũ-phu khinh-dể không chịu phục Cung, bèn sinh ra oán-giận nhau; Cự đuổi Cung ra khỏi đất. Khi Bộ-Chất đến, tướng cũ của Trương-Tân là lũ Di-Lục, Tiền-Bác còn nhiều: Bộ-Chất lần-lượt trị hết, xếp đặt vừa xong, thì gặp chiếu-thư triệu về.

« Khi Lã-Đại dẹp xong loạn Sĩ-Huy, đổi hết các trưởng-lại, đặt người khác, để rõ-rệt cương-kỷ nhà vua: uy phong khắp ra muôn dặm, nhớn nhỏ vâng theo. Thế mới biết việc vỗ-về ngoài biên-thùy, thực là ở chỗ có người giỏi: dùng làm chức mục chức bá, nên chọn người thanh-lưu; ở chỗ cõi xa, lại càng quan-hệ.

« Nay châu Giao, tuy gọi là tạm yên, nhưng còn có giặc nấp ở huyện Cao-lương. Đến như Nam-hải, Thương-ngô, Uất-lâm, Châu-quan: bốn quận chưa được yên-ổn, trộm cướp tụ họp từng bọn. Nếu Lã-Đại không sang Nam nữa, quan thứ-sử mới nên chọn người phương-lược mưu-trí, để trông nom vỗ-về, uy-sủng hình-thế có khi thật khi giả, cốt cho thanh-hiệu, mới có thể gọi là yên-ổn. Nếu hạng trung-bình, chỉ giữ phép thường, không có mưu-thuật kỳ-lạ, thì trộm giặc càng thêm nhiều, lâu lâu thành hại, cho nên sự yên nguy trong nước cốt ở khi dùng người, không nên không xét kỹ. »

Vua Ngô nghe theo, hiền phong Lã-Đại làm quan mục châu Giao (chép theo *Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 3 a-8 a).

*(Còn nữa)*

*Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

*1) An nam chí nguyên* (trang 15) chép « Lã-Đại tên tự là Thực-công (*Khâm-định Việt sử*, quyển 3, tờ 8 a, chép là Định-công), người Quảng-lăng. Năm thứ năm hiệu Hoàng vũ nhà Ngô tức là năm bính-ngọ 226, làm thứ-sử Giao-châu. Trước kia Sĩ-Huy ở Giao chỉ chống-cự mệnh-lệnh nhà Ngô, Lã-Đại đem quân vượt bể đến đánh. Sĩ-Huy sợ, đem anh em sáu người đến hàng: Lã-Đại chém cả. Rồi sai chức tùng-sự tuyên rõ uy-đức và mệnh-lệnh: các nước Phù-nam, Lâm-ấp sai sứ sang cống. Vì có công, Lã-Đại được thăng Trấn nam tướng-quân, tiến phong Phiên hầu. Khi Tôn-Lượng lên ngôi nhà Ngô, phong Lã-Đại làm đại tư-mã. Lã Đại là người thanh-trực công liêm, đến đâu cũng có đức-chính, có thể kể được. Khi ở Giao-chỉ lâu năm, không gửi lương về nhà, vợ con đói thiếu: Ngô Quyền nghe tiếng, ban cho tiền và lụa. Lã-Đại mất năm 96 tuổi. »

---


???

*— Ai là quan Thám-hoa mà lại đi kéo vó như một thường dân ?*

*— Ai đã dùng ba tấc lưỡi để tránh cho vua Tàu khỏi bắt dân ta-róc tóc với bện đuôi xam ?*

*Muốn rõ xin đọc:*

**« Quan Thám kéo vó »**

*của Tiên-Đàm* NG.-T.-PHƯƠNG

*đã có bán ở các hiệu sách*

*Giá* **0$85**

*In đẹp — họa sĩ* PHẠM-GIA-GIANG *tốt nghiệp trường Mỹ-Thuật vẽ.*

# Phê-bình với văn-học-sử

KIỀU THANH-QUẾ

TRONG phạm vi văn học, phê bình văn học (critique littéraire) ở nhằm chặn thứ hai sau văn học sử (histoire littéraire) chỗ mà văn học sử chấm dấu hết là chỗ phê bình văn học bắt đầu.

Văn học sử là địa hạt của *Quá khứ*, trong đó các nhà văn tên tuổi vững chãi hay thường thường các nhà văn đã qua đời được nói đến.

Phê bình văn học là địa hạt của *Hiện tại*, trong đó không những các nhà văn hiện đại còn sống được nói đến mà cả đến một vài nhà văn quá cổ bị bỏ quên, nếu có dịp, cũng được nhắc nhở đến. Vì như Vũ trọng Phụng đã qua đời. Nhưng lúc này nếu có một tác phẩm nào của ông hợp thời được tái bản, tác phẩm ấy cũng được ngọn bút nhà phê bình đem ra phân tả hay giới thiệu với công chúng.

Với nhà phê bình, người ta thường đòi hỏi:

1·) Ý nghĩ của ông về một nhà văn nào, một tác phẩm nào (ý nghĩ của ông lẽ tất nhiên là cái tổng hợp của nhiều nguyên tắc, riêng và của những rung động riêng mà ông có sau khi đọc một tác phẩm văn chương):

2) Những cảm tưởng riêng của ông sau một cuộc viễn du (ông ở đây được coi như một nhà du lịch), chớ không phải một tấm địa-đồ như người ta thường đòi hỏi ở nhà địa dư học.

Những câu người ta có thể đem hỏi nhà phê bình là:

— Ông vừa gặp Vũ trọng Phụng phải không? Họ Vũ ảnh hưởng đến ông như thế nào?

— Nghệ thuật hành văn và quan niệm văn chương của Vũ trọng Phụng có hợp với nghệ thuật hành văn và quan niệm của ông không? Và ông hoan nghênh hay là công kích Vũ trọng Phụng?

— Những mối cảm động nào do Vũ trọng Phụng mà ông có? Cách nào tâm hồn ông tiếp đón hay phản đối lại tư tưởng họ Vũ?

Ở phạm vi phê bình văn học, chưa có điều gì đã nói qua rồi cả, tất cả đều cần phải nói một cách mới mẻ. Cần phải thi hành một cuộc chọn lọc sáng suốt trong đống sản phẩm văn nghệ do các nhà xuất bản đưa ra hàng tháng; nhặt ở đó những thiên-tài trong bông hoa đầu mùa, loại bớt những cây bút viết nhiều mà không hy vọng.

Thi hành các công việc ấy, nhà phê bình không có căn bản nào để dựa vào cả. Chỉ hoàn toàn nhờ trực-giác, nhờ các tình cảm cố hữu dắt-dẫn!

Và phê bình văn học nếu không phải hẳn là một sáng tạo, ít nhất cũng là chút dính « cái-cách » với tất cả tao bạo, tất cả ngẫu nhiên của hai chữ ấy.

Trái lại, nhà văn học sử bao giờ cũng không được tự tiện phát biểu ý kiến về một tác giả nào cả. Ông phải:

1·) biểu-thị *tinh thần chung* của một thời đại theo mọi điều hiểu biết ông thâu-thập được trong khi tham khảo lịch sử;

2·) biểu-thị *tinh-thần văn chương, nghệ thuật* của một thời đại theo mọi điều hiểu biết ông thâu-thập được trong khi đọc qua lịch sử văn chương và lịch sử nghệ thuật;

3) chỉ rõ những ảnh hưởng có vang bóng ở tâm hồn tác giả;

4·) phân tích tinh thần tác giả căn cứ vào các sách biết tác giả thường đọc, vào thơ từ giao thiệp của tác giả trong xã hội;

5·) Nói rõ trong trường-hợp nào tác giả trứ thuật;

6·) Cũng không bỏ qua chuyện tác giả thỏa mãn hạng người nào và làm phật ý hạng người nào.

Điều cần nhứt nên tập lại, là nhà văn-học-sử không bao giờ được phê phán dầu *độc đoán* (tùy các nguyên tắc riêng) hay theo lối *cảm thụ* (tùy những rung động riêng) cũng vậy!

Tóm lại phê bình văn học và văn học sử là hai lối tuyệt nhiên khác hẳn nhau. Vậy thử hỏi một nhà văn có thể thành công trong cả hai lối ấy không?

Như Sainte Beuve chẳng hạn, ông có thành công trong cả hai lối ấy không?

Đọc tập *Portraits contemporains (Nhân-vật hiện thời)* của ông, nhất là các bài viết về các thi-sĩ Lamartine, Victor Hugo, Vigny, Musset, Desbordes-Valmore của ông, ta thấy ông là một nhà phê bình sáng suốt.

*(Xem tiếp trang 21)*

GÓP VUI

# BÀ LỚN ĐƯỜI ƯƠI

TRONG rừng núi vùng Tuyên, Hưng, có giống thú gọi là *dã-nữ*, hình vượn mà mặt người, tinh-khôn nhanh nhẹn, bập bẹ nói được tiếng người như đứa trẻ cợi. Người ta bắt được, dạy cho nói, ở lâu lắm, có khi người ta nuôi để dùng đùa cợt. Giống thú ấy, tục gọi là đười-ươi.

Long-biên là đất cổ đế đô, từ chiến quốc, sai, ngoạ thành thói. Mọi người giao tiếp, chỉ đua ganh những sự bảnh diện. Nhất những dân buôn bán càng tệ, họ vất vả giao thiệp với người phú quý, thấy ai vận mặc ra lối quan dạng đến hàng thì kính thờ như là thần-minh, nhờ mua sắm hàng hóa thì lấy nhanh nhẩu, chỉ nháy mắt là có đủ hết. Họ ngồi ở cửa hàng, thấy khách đi qua ngoài phố thì chào mời lợi lả; khách vào xem hàng, mồm miệng chân tay họ không dừng lại một phút nào. Thấy khách trẻ trai lanh lợi ư? Họ gọi là « cậu cả »; khách bệ vệ chững chạc ư? họ gọi là « quan lớn »; khách là đàn bà sang trọng ư? họ gọi là « bà lớn ». Chỉ lấy quần áo mà định sự sang hèn chứ không cần biết người ấy là ông nào, bà nào, quan gì, chức gì. Chén nước cơi trầu, mời thết như người quen biết sẵn, khiến người không thể rứt áo mà đi ra được.

Hồi quốc-sơ, nhà vua đặt nha Tổng-trấn Bắc-thành, các việc lại, hộ, binh, hình của 13 tỉnh xứ Bắc đều thuộc vào đấy. Bấy giờ các quan võ được coi trọng lắm, các viên quan ấy, phần nhiều là người miền nam-ngoại, người các tỉnh miền Nam kinh-thành. Ra làm quan ở đây, cặt viên đem theo cả gia đình. Vợ con học theo cách điệu của đàn bà Đông-kinh (Thăng-long), điểm phấn tô son, làm đỏm làm dáng, hoa-tai vành-cánh, sũng soảng không thiếu một thứ gì. Mỗi khi ra phố thì con hầu xúm xít chung quanh. Vào hàng nào mua hàng, không xưng là bà lớn Quản-cơ, tất xưng là bà lớn Chưởng-vệ. Nhà hàng đưa hàng ra bán, dù có khai giá đắt cũng cứ theo lời mà giả tiền, không kỳ kèo bớt một thêm hai gì cả. Bởi thế các cửa hàng buôn, thường coi bọn *các bà lớn* ấy là khách hàng bở, nhiều khi cứ đưa hàng đến nhà rồi mới lấy tiền sau. Vóc Ngô gấm Tề, đồ sứ Tô-Hàng, không có thứ hàng gì phải lơ bị động.

Chợt một hôm kia, trên đường phố có một cái kiệu màn lam khiêng đi, chung quanh buông rèm kín mít, vẻ lộng lẫy làm cho người ta choáng mắt. Bọn đầy tớ theo hầu đến hơn mười người, ai nấy đều mặc áo nỉ đỏ, cổ viền kim-tuyến, tấm lét kính cẩn ở chung quanh kiệu. Một tên hầu có vẻ lanh lợi và chững chạc nhất mới được thỉnh thoảng ghé lại bên rèm để nghe lời trong rèm truyền bảo. Lời truyền ra cũng không rõ lắm, chỉ vang vẳng thấy mấy tiếng « được rồi » « tốt tốt » mà thôi. Tên hầu vào một cửa hàng nói với chủ nhân rằng:

— Bà lớn trong mình khó ở, không tiện xuống kiệu xem hàng được, bà lớn muốn mua các gấm vóc the đoạn, cùng những đồ chơi bày trong nhà, vậy nhà hàng có những gì thì đưa ra để bà lớn mua.

Nhà hàng dốc tủ dốc hòm đưa ra, thứ gì không đủ thì đến các hàng quen lấy về cho đủ. Tên hầu nhất nhất đem đến bên kiệu, khẽ hé bức rèm son để bà lớn xem, thứ gì cũng thấy bà khen *tốt tốt*. Nhà chủ khai giá, cả thảy đến mấy mươi tràm lạng. Tên hầu nói:

— Bà lớn đây là vợ quan Lãnh-quân mới đến tỉnh chức, định ngài cách tòa Tổng-trấn 13 gian về phía nam, nhà hàng muốn lấy tiền tay lấy bạc, chịu khó đến đấy mà lấy.

Chủ hàng vâng vâng. Thế rồi, kẻ ôm vóc nhiễu, người cầm gấm đoạn, kẻ mang những đồ lặt vặt, đều là người nhà bà lớn cả, họ cùng đi rầm rập ở chung quanh kiệu, chủ hàng cũng đi theo sau. Khi họ vào trong thành tỉnh canh yên chỉ là bậc quý-nhân, không dám ngăn lại để hỏi han gì cả. Kiệu đi đến bên ngoài một bức tường dài và thấp, cổng giữa bỏ ngỏ, bên trong có mấy nếp nhà vừa ngói vừa gianh, tựa như là dinh quan Chưởng-cơ. Bọn phu dừng kiệu để mời bà lớn xuống. Một tên hầu gắt:

— Bà lớn đương ngủ, hãy để im cho bà lớn ngủ. Các anh lấy cái ngạc mà đặt kiệu lên, thong thả chờ bà lớn tỉnh dậy. Các anh chờ đây, bà hàng thì hãy vào ngồi đợi trong hàng nước kia. Đợi chúng tôi đem hàng vào để quan Lãnh xem rồi sẽ lấy tiền ra giá.

(Xem tiếp trang 21)

# QUYỂN « ĐỜI SỐNG THÁI CỔ »

*Ứng-hoè* Nguyễn-văn-Tố

Ông Nguyễn đức Quỳnh vừa đăng trong tập *Văn mới*, số 13-14, ra ngày 25-6-1943, quyển thứ hai bộ *Lịch-sử thế-giới*, là quyển nói về *Đời sống thái cổ (thời đại thạch khí)*.

Mới đọc qua tên sách, ai cũng tưởng rằng ông Nguyễn đức Quỳnh đã lấy những di-tích còn lại và chép theo các sách chuyên-khảo, để cho ta biết đại-khái người đời xưa lúc mới đẻ ra thì nuôi-nấng thế nào, đến lúc lớn lên thì có những nghề gì, dùng những thứ gì, kiếm ăn ra sao, có cưới xin không, đã biết họp nhau chưa, lúc ốm đau thì chữa thế nào, có cúng-lễ gì không, sau khi chết thì chôn hay thiêu?

Ông Nguyễn đức Quỳnh có nói một vài việc ấy ở phần thứ hai, nhưng sơ-lược quá, mà phần nhiều không đích là những việc của đời thái-cổ, như về đồ gốm ông viết ở trang 127 như thế này: « Trong các lều túp và *lăng-tẩm* người thái-cổ, còn đào thấy hàng nghìn khí-cụ bằng sành, từ các đồ thô sơ — *chắc* do đàn bà trẻ con nặn — tới các đồ vật tinh-sảo, trạm trổ khắc vẽ rất tinh-vi, *đủ* kiểu, *đủ* hình, *đủ* mẫu » (?).

Ở phần thứ nhất, ông nói loài người xuất-hiện, rồi dời đi ở nhiều nơi, phân-tán đi nhiều chỗ, chia ra từng giống, v. v... Tuy lời văn gọn-gàng, nhưng vẫn còn một vài đoạn theo lối tây quá, như đoạn sau này (ở trang 40): « Công cuộc phân tách này chỉ cốt chứng-minh sự hỗn-hợp của các giống, sự giao-tiếp giữa các nòi đã dần-dần thế-giới-hoá Nhân loại để sau này đi tới một dân-tộc duy nhất: nhân loại đại-đồng ».

Ông hay kể tỉ-mỉ và dẫn những sách không có giá-trị gì, như sách của ông H. Frey (*L'annamite mère des langues*, *Les Egyptiens préhistoriques identifiés avec les Annamites*), v v., là những sách mà chính các nhà học-giả đã bảo là không nên nói tới.

Phàm sách thuộc về khoa-học mới, chưa ai làm bằng quốc-ngữ, mà nay lấy sách tây thuật lại cho người Nam ta xem, thì phải làm thế nào cho người ta đọc lên biết ngay là nói những gì, chứ chồng-chất những lời bàn hay chú-thích, thì chỉ làm lạc đầu để đi thôi: nói tóm lại, cần chép những điều đại-cương và dẫn những sách cốt-yếu, nhất là những sách xuất-bản gần đây, đã được người Pháp cho là sách có giá-trị, như về đời thái-cổ, có quyển A. Vayson de Pradenne, *La préhistoire* (Collection Armand Colin, 1938), quyển M. Boule, *Les hommes fossiles* v. v.

Lại còn một điều nữa, là nên lấy những việc Á-đông làm thí-dụ, thì người xem sách mới dễ hiểu, mà khoa-học mới bổ-ích cho người mình: ở đây ông Nguyễn-đức-Quỳnh không làm thế: ông chép những việc bên Tây làm phần chính, những việc Á-đông làm phần phụ. Nói như thế, tất ông giả lời rằng: mỗi người làm sách có một lối riêng!... Vẫn hay thế; nhưng ta phải nhớ rằng nước ta theo văn-hóa Tàu đã mấy nghìn năm, cho nên kể sách quốc-văn mà dẫn tên người tên đất của Tàu, thì hình như đã nghe quen rồi; nếu chép nhiều tên tây chữ tây, mà lại nói về khoa-học mới thì thật không ích gì cho người Nam, vì người không biết chữ tây, xem đến không hiểu, mà người đã biết chữ tây, có lẽ không xem đến.

Thí-dụ như đoạn « hiến thân » ở trang 141, và « đốt đàn bà góa, chôn người hầu » ở trang 146 giá ông Nguyễn-đức-Quỳnh chịu khó mở những sách nho của Tàu

(*Xem tiếp trang 20*)

**SỐ ĐẶC-SAN VỀ**

**Văn học phụ nữ Việt-nam**

sẽ xuất bản vào tháng 9 tây này.

sẽ là cái biểu đánh dấu những bước tiến tới của phụ-nữ ta trên đường văn học;

sẽ là những tài-liệu về văn học rất đáng chú ý;

sẽ là một tác-phẩm rất công-phu...

Ngoài những bài của các nhà văn vẫn quen biết, còn có những cây bút của bạn nữ lạ góp sức vào nữa.

## BIA VĂN-MIẾU

# NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 61

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

KHOA đinh - mùi năm Hồng-đức thứ 18 (1487) đời vua Lê Thánh-tông (1460-1497), lấy ba ông đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ :

1. — Trần - sùng - Dĩnh, người làng Đồng-khê, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải - dương. Làm nhà ở làng Man - nhuế. Sách *Đại-Việt đinh-nguyên phật - lục* (bản sao của Trường Bác-cổ, số A 1205, tờ 15a-b) chép « ông là người tài học tinh nhanh, đỗ giải-nguyên (đỗ đầu thi hương) sớm lắm. Năm 23 tuổi, đỗ trạng-nguyên khoa đinh-mùi, năm Hồng-đức thứ 18 (1487) đời vua Thánh - tông nhà Lê. Ứng chế hợp cách (chế là đầu bài của vua ra). Làm quan từ chức đô-ngự-sử, vào đầu tòa Kinh - diên (giảng sách cho vua nghe), thăng đến chức thượng-thư bộ Hộ, rồi mất. Làm phúc-thần làng Đồng - khê. Ông là anh ông Trần-Năng đỗ hoàng-giáp khoa quí-sửu 1493. » Ông có năm bài thơ cận - thể chép trong *Toàn Việt thi lục* (sách viết của Bác - cổ, số A 1262, quyển 14-16, tờ 23 b), đều họa theo vần vua Lê Thánh-tông. Bài thứ nhất đề là *Thiên-vực-giang hiểu phát* (sáng ngày nhổ neo ở sông Thiên - vực), bài thứ hai là *Truy hoài Thánh-tổ huân - nghiệp* (nhớ công - nghiệp vua Lê Thái-tổ), bài thứ ba là *Hạnh Kiến thụy đường* (ngự nhà Kiến-thụy) bài thứ tư là *Quang đức điện thượng cảm thành* (lên đền Quang-đức cảm-hứng thành thơ), bài thứ năm là *Chủ Thúy - ái châu* (dừng chân ở châu Thúy-ái) Bộ *Khâm-định Việt-sử* (quyển 24, tờ 19 b) chua « Thúy - ái châu ở bờ phía nam sông Nhị-hà, nay thuộc huyện Thanh-trì, tỉnh Hà - nội »

2. — Nguyễn - đức - Huấn, người làng An-định, huyện Chí-linh, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Ông có tên ở sổ bộ làng Cổ-châu. Đỗ bảng-nhỡn khoa đinh-mùi 1487. Cùng với ông Trần-sùng Dĩnh vào đình - đối, thì hai ông ngang nhau. Vua sai xét mình người, lời nói và chữ viết để phân-biệt, thấy ông Trần-sùng-Dĩnh có tài nhanh, cho đỗ trạng-nguyên, ông Nguyễn-đức-Huấn đỗ bảng - nhỡn (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 58 a). Mùa đông năm ất-mão 1495, ông Nguyễn - đức - Huấn đương chức Hàn - lâm thị - thư, được dự Tao-đàn nhị-thập-bát tú. Có lần đi sứ Tàu. Làm quan đến thượng-thư, tước Ninh quận công (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 78 b). Ông có sáu bài thơ cận-thể trong *Toàn-Việt thi lục* (quyển 14-16, tờ 24 b) : năm bài trên họa theo vần của vua Lê Thánh - tông (*Quân - đạo*, đạo làm vua, *Thần - tiết*, tiết làm tôi, *Kỳ-khí* khí lạ, *Văn - nhân*, *Mai-hoa*), bài dưới đề là *Vãn Thánh-tông Thuần hoàng-đế* (viếng vua Lê Thánh-tông Thuần hoàng-đế).

3. — Thân - cảnh - Vân, người làng An-ninh, huyện An-dũng, trấn Kinh bắc. Đỗ thám - hoa năm 27 tuổi. Làm quan đến chức đô-ngự-sử. Ông là cháu nội ông Thân-nhân-Trung, con ông Thân-nhân-Tín : con đỗ trước cha (ông Thân-cảnh-Vân đỗ khoa đinh-mùi 1487, ông Thân-nhân-Tín đến khoa canh-tuất 1490 mới đỗ. Ông là cháu (gọi bằng chú hoặc bác) ông Thân-nhân-Vũ : ông cháu chú cháu cha con cùng đỗ đại-khoa, làm quan một triều (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 32 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 71 b).

Khoa đinh-mùi 1487, lấy 30 ông đỗ đệ-nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân :

1. — Vũ-Cảnh, người làng Dưỡng-động, huyện Thủy-đường, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương. Làm nhà ở làng Kim-đôi, huyện Lang-tài, tỉnh Bắc-ninh Đỗ năm 26 tuổi. Làm quan đến thượng-thư, kiêm chức đô-ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 93 b). Ông có năm bài thơ cận-thể trong bộ *Toàn Việt thi lục* (quyển 14-16, tờ 26b), đều họa theo vần của vua Lê Thánh tông (Bái yết Sơn-lăng, Nhớ công-nghiệp vua Lê Thái-tổ, Lên đền Quang-đức cảm-hứng thành thơ, Ngự nhà Kiến-thụy, Dừng chân ở châu Thúy-ái).

2. — Nguyễn-thâm-Lộc (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải dương, tờ 58 a, chép là Nguyễn-phú-Lộc), người làng Đồn-bối, huyện Thanh-lâm, phủ Nam - sách, tỉnh Hải-dương. Năm 24 tuổi đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức tham-chính, được phong là tiết-nghĩa, vì tránh nhà Mạc bị cướp giết ; truy tặng chức phó-đô-ngự-sử. Là ông nội ông Nguyễn-vĩnh-Phúc (tức Vĩnh - kỳ) đỗ đồng tiến-sĩ khoa kỷ mùi 1559 *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 33 a *Lịch triều hiến-chương*, quyển 12, tờ 6 b).

(Xem tiếp trang 20)

Sử học luận đàn

# SỰ THỰC CÂU CHUYỆN

## Nước bể hóa ngọt và cành cây hóa chim

HAI câu chuyện nầy có chép ở bộ Bổn-triều-thực-lục, vào hồi chúa Nguyễn-Ánh, đánh nhau với nhà Tây-sơn.

Chuyện *nước-bể-hóa-ngọt* sản xuất từ chúa Nguyễn-Ánh, đi thám-trận ngoài bể hết nước.

Chuyện *cành-cây-hóa-chim*, sản xuất từ ông tướng Nguyễn-hoàng-Đức, đi trong rừng hết lương.

Theo sử bổn-triều chép, năm quý-mão (1771) chúa Nguyễn-Ánh đi do thám hư thực quân Tây-sơn, ở cửa bể Ma-ly, bị Tây-sơn biết, liền đem hơn hai chục chiếc chiến-thuyền, chặn đường vây bắt, thuyền Chúa trương buồm chạy tháo, lưu lạc ngoài bể tới bảy ngày đêm, trong thuyền hết nước, suýt bị chết khát cả. Khi cùng kế, Chúa mới cầu khấn trời đất, bỗng thấy trước mũi thuyền có dòng nước trong trắng, nếm thấy ngọt, liền múc uống, và trữ năm sáu chum, mới đủ nước khỏi khát, trở về nơi căn-cứ.

*Nước bể vốn mặn bỗng hóa ra ngọt*, mọi người đều lấy làm lạ, cho là trời cứu hộ vị *vua chân mệnh*.

Lại thấy chép một chuyện nữa năm kỷ-dậu (1777) ông Nguyễn-hoàng-Đức, là viên tướng mạnh của chúa Nguyễn-Ánh, trước bị Tây-sơn bắt, lưu dùng làm tướng. Nhưng ông không quên chúa cũ, thừa cơ đem cả một đội quân, trốn vào rừng, từ vùng rừng tỉnh Nghệ, đi lần lên Lạc-hòn, Vạn-tượng, qua Xiêm-la, để về Gia-định.

Trong lúc ông Đức đem quân trốn vào rừng tỉnh Nghệ, đi đường hết lương nhịn đói, phải ăn lá cây đỡ đói, đã ba bốn ngày không có gì ăn, chưa tìm thấy chỗ có người ở, trông chết đói cả bọn giữa rừng.

Bỗng thấy một cây đại-thọ, lá cây hóa ra chim, cành chân có đủ cái mỏ vẫn còn dính ở cây. Mọi người bắt chim ăn đỡ đói, mới có sức mà đi, lần tới chỗ có người ở, kiếm lương ăn, trở về chúa cũ.

*Lá cây là một thứ chất đắng, bỗng hóa ra chim ngon ngọt, nuôi sống cả toán quân*, ai nấy đều cho là trời cứu giúp *ông tướng trung nghĩa* mới biến hiện ra như thế.

Như hai câu chuyện sử chép đấy, nhà viết sử cho là thần-kỳ làm triệu trẫm, của một vị *vua chân mệnh*, với một vị *tướng trung-nghĩa*, có trời đất, non nước, giúp công. Còn người hiện thời bây giờ, nghe câu chuyện ấy, phần nhiều cho là hoang-đường không đáng tin. Đã có lần thấy người ta chỉ trích hai câu chuyện ấy, làm chuyện hoang đường, nêu trên báo sách. Nên tôi mới viết bài nầy, để chứng rõ hai chuyện ấy, đều có sự thực chắc chắn.

Như sở-kiến của tôi, thì hai câu chuyện sử chép đó, cũng là chuyện thường, chẳng lấy gì làm lạ.

Nguyên lúc trời mưa nhiều, nước các sông ngòi chảy ra bể toàn là nước ngọt. Lúc đầu mới chảy ra bể, nước bể chưa pha lẫn kịp, những luồng nước ngọt nhẹ, vẫn chảy thành từng luồng trên mặt bể, nước mặn nặng cứ chảy dưới, lâu ngày mới pha lẫn được nhau. Những người đi chài lưới ngoài bể, thường gặp luồng nước ngọt như thế múc uống luôn. Mà rất dễ nhận, là, ngoài bể nước sâu, trông đen sì, hễ thấy luồng nước trong trắng, biết ngay là nước mưa, của các sông ngòi chảy ra, hoặc thấy luồng nước đỏ ngầu, cũng biết ngay là nước mưa, tự sông Hồng-hà chảy ra, cứ tới múc uống. Đó toàn là nước ngọt chưa lẫn nước bể.

Luồng nước ngọt ấy, các người chài lưới, thường gọi là « *lỗ-nước-đùng* » đã thấy *lỗ-nước-đùng*, thì không dám thả lưới, bọ biết trong nước ngọt làm gì có cá bể, mà thả lưới. Chẳng may thả xuống rồi, mới bị luồng nước ấy chảy tới, thì nước ngọt nhẹ chảy mạnh quá, làm lưới xe thành từng cục, có khi nó chảy đứt cả lưới không biết đâu mà tìm.

Các loài cá bể, đi nhầm vào luồng nước ấy, cũng bị chết hết. To như cá ông voi, người ta thường gặp chết vì *lỗ-nước-đùng* luôn.

**ĐỌC VĂN VIẾT VĂN**

Ngài thấy mệt không đủ sức làm việc, hãy uống 1 viên thuốc bổ khỏe Trường-Xuân. Ngài uống thường sẽ cường-kiện.

Mỗi hộp 0$80 do Tam-bảo Dược-phòng 117 Faucault Saigon bào-chế. *Đề mandat cho Ô. Phạm văn Điều.* Mua sẽ huê-hồng đặt biệt.

Khi chúa Nguyễn-Ánh bị Tây-sơn đuổi, chạy bạt ngoài bể hết nước, có lẽ gặp luồng nước ngọt chưa lẫn nước bể, múc uống giải-khát, cũng là sự thường, lẽ có chuyện thật, chứ không phải *triệu trẫm* gì, mà cũng không phải bịa đặt hoang đường.

Còn chuyện lá cây hóa chim, thì ở vùng rừng hạt Quỳ-châu, Tương-dương, tỉnh Nghệ-an, có một giống cây, gọi là *cây dung*. Lá nó dài như lá chè, cứ một cái cuống chia ba lá thành một chùm. Đến rạo tháng chạp tháng giêng hai ta, những lá dung còn lại, ba lá kết hợp với nhau, dần dần hóa thành con chim, như con chim chích.

Giống cây ấy, trong rừng rất ít thỉnh thoảng mới có một cây. Tôi đã có lần đi trong rừng, gặp *cây dung đương hóa chim*. Ban đầu cũng lấy làm lạ, mới hỏi người thổ-nhân, thì có mấy người hiểu biết đều nói cây ấy gọi là cây dung, lá nó hóa ra con chim, về thời kỳ nó hóa chim, người « Mọi » (1) thường đi kiếm, lấy về làm thức ăn.

Xem như thế, thì biết lúc ông Đức bỏ nhà Tây-sơn đem quân trốn vào rừng, có ắt là khu rừng thượng du tỉnh Nghệ, gặp kỳ lá cây dung hóa chim, có thể ông bắt gặp, lấy chim ấy sung-cơ, chứ có phải vì ông trung-nghĩa mà lá cây hóa ra chim, để nuôi sống ông đâu.

Chính có sự thực rất thường ấy, không nên cho là triệu-trẫm, mà cũng không nên bảo là hoang đường.

Tôi nói đây, có người vẫn còn ngờ vực, tự nghĩ nước bể có thể có luồng nước ngọt, của sông ngòi chảy ra. Đến như lá cây là loài thực-vật, bảo hóa ra loài Động-vật ắt chưa lấy làm tin chắc chắn.

Nhưng có biết đâu hết được sự biến hóa của tạo-hóa, thật vô cùng tận.

Cứ xem như trên rừng có một giống cây, dây nó leo, vỏ nó có lông, sắc dây có từ khoang trắng, khoang vàng, người ta gọi nó là dây bươm bướm. Cứ tới tháng ba, dây ấy hóa thành vô số bươm bướm, bay chập chờn, đầy ngập cả rừng núi khe suối. Đấy cũng là thực-vật hóa ra động-vật đó.

Lại như vị thuốc đông-trùng-hạ-thảo, nó vốn là cây cỏ, mùa đông hóa thành con sâu như con tằm: Tới mùa hạ con sâu ấy lại mọc rễ hóa làm cây cỏ. Tới mùa đông nữa, lại cứ hóa làm con sâu. Giống này ở Lạng sơn ta vẫn có, mùa đông người ta thường lấy được con sâu đông-trùng-hạ-thảo, xào mà ăn. Nó cũng là loài thực vật hóa thành động vật.

Và như rễ *cây lúa* đất « đồng chua » (2) hóa ra *con rươi* ta thường ăn. Cây *cỏ mục*, chỗ ẩm ướt, hóa ra con *đom đóm* lập lòe sáng, cũng thực vật hóa động-vật đấy.

Như thế thì lá cây hóa chim, cũng không phải ngờ. Nên cho là sự biến hóa của muôn loài trong vũ-trụ.

Những điều biến văn ấy, có thể chứng thực cho hai câu chuyện của sử-kỷ trên kia vậy.

NGÔ-ĐỨC-MINH

(1) « mọi » là giống mọi ở thượng du tỉnh Nghệ.

(2) « Đồng chua » là cánh đồng ở gần bể, nước ngọt hơi lẫn nước mặn, gọi là nước chua, rễ cây lúa đất ấy, mới hóa được thành con rươi.

## Sách mới

I. — *Kim Vân Kiều* quyển thứ II của Thư xã Đắc Lộ phát hành

Cuốn *Kim Vân Kiều* này là trọn bộ tập danh văn của thi sĩ Nguyễn-Du, ông Nguyễn-văn-Vĩnh dịch ra chữ Pháp.

Xem hết tập này ta lại càng nhận thấy cái tài dịch thuật của ông Vĩnh và mừng rằng Thư-xã đã cho in một cuốn sách có ích cho những người Pháp và người Nam muốn tìm học.

Sách dày 700 trang, bản thường giá 3 $ 00, bản giấy đẹp : 8 $ 50.

II. — *Sáu điều Phật dạy* và *Địa tạng Bồ tát* của ông Tùng Thành Nguyễn Nhuận, tham tá nhà Tư pháp gửi tặng.

III. — *Le Docteur A. Yersin* của phủ Toàn Quyền xuất bản. Có nhiều ảnh và bút tích của bác sĩ. Cuối sách có bản dịch ra quốc văn của ông Trúc Đình những bài đăng trong đầu sách rất lưu loát.

IV. — *Pour mieux comprendre la révolution nationale* của S. Lehnebach, do sở Tuyên truyền báo chí ở Nam kỳ xuất bản. Sách in đẹp, giấy tốt và có những mục chính : la révolution et le passé — position de l'homme : individualisme ou personnalisme, la famille, tradition française — Patrie, nation, état, vân vân...

Xin cảm ơn các nhà tặng sách và giới thiệu với các bạn.

TIỀN ĐÀM

**Giá báo**

| | |
|---|---|
| Mỗi số | 0 $ 30 |
| 1 năm | 12 00 |
| 6 tháng | 6 50 |
| 3 tháng | 3 50 |

*Công sở giá gấp đôi*

Mua báo xin giả tiền trước

# « HẬU-LAI CÁCH-TRÍ »

## (L'AVENIR DE LA SCIENCE)

### của REN tiên-sinh

Số 3

*Thịnh-quang* ĐỖ THÚC

Tiên-sinh đã bày tỏ những nhẽ ấy, xem ra thực là thấu rõ cái tính-thần con người ta từ xưa đến nay tiến-hành theo dịp thế nào. Thủa mới trông thấy vũ-trụ đầy những sự huyền-bí gớm-ghê, thì tâm-hồn ta sẽ cảm động mà khuynh hướng về sự cung-kính kia, như vội đáp một câu vấn-đề khó-khăn, chưa kịp tỉnh-sát. Nhưng ta nên nhận rằng sùng bái trong khuôn phép văn thơ bao giờ cũng có ít nhiều thú-vị dịu dàng, có thể giải-trí.

Vả chăng, khoa-học ắt nhờ chính-lý mà tiến-hành, tương-lai chính lý ấy thế nào? Renan nghiên-cứu đã ngần-ngại một chút, nhưng không để ta phải trán ngán đâu; tiên-sinh ngỏ ý rằng:

« Nếu có một sự-vật có thể khiến người tâm-tư hồ-đồ về *cuộc hậu-lai của chính-lý*, ấy quyết là sự này: tinh-thần nhân-quần càng thâm nhập vào các con đường ngâm nghĩ thì hình như càng tỏ ra khiếm khuyết về mới lạ, to tát, và ít công việc tự phát lực làm nên, khi người ta đem những công-trình nhút-nhát ở thời-buổi ta hay lý-luận đã xuất-sản ra vất-vả từng ấy, mà so-sánh với những công trình tân-tác tối cao đại ở đời cổ, tự nhiên sinh-sản ra không biết công việc khó khăn ấy thế nào, khi người ta tưởng đến lắm sự lạ-lùng hẳn đã phát hiện trong *lương-tâm các nhân-vật kia*, để mà gây nên một thời-đại những tôn-đồ, những vị tử vị đạo, ai thấy vậy thì tiếc rằng con người ta đã bỏ bản-tính thiên-nhiên mà trở nên con người suy lý chi-li nhưng người ta an-ủi, trước hết nghĩ rằng: nếu cái tâm-lực có giảm mạnh mẽ, nhưng công-trình làm ra có lắm vẻ nhân-cách hơn, công trình của mình làm đến nơi cực cao hơn, con người ta làm nên có biệt danh-hiệu sang-trọng hơn; sau nữa lại nghĩ rằng: tình-hình hiện-thời chỉ là tình-cảnh khó-nhọc, khó-khăn, vất-vả, mướt bồ-hôi, cái tinh-thần con người ta đã phải trải qua tình-cảnh ấy để tới nơi cảnh-giấy cao hơn, sau hết thì nghĩ rằng: tình-cảnh chi-lý tấn-bộ sẽ đến kỳ biến-cải khác nữa, tinh-thần lại tân-tác, nhưng được thong-dong tự-do, lương-tâm tỉnh-táo » (trang 88).

Mối hy-vọng cao-thượng ấy hẳn đã giúp cho khoa-học mỗi ngày càng tiến-bộ không ngừng chẵn; mà sự sùng-tín về khoa học cũng đã có lắm vị hy-sinh ta nên kính phục như các đấng « chi mạng » hay là tuẫn giáo kia.

Tiên-sinh sùng khoa-học cũng như văn-thơ để mở-mang *thần-trí con người ta*. Tiên-sinh đã tỏ ý riêng:

« Tưởng khoa-học chỉ có sự vui-sướng nhỏ-nhen được thỏa trí tò-mò hay là thỏa lòng kiêu-ngạo, ấy là sự *nhầm to* cũng như tưởng vịnh thơ chỉ là một sự tiêu-xảo, công-phu lạt-lẽo như tưởng nghề văn chương là trò-dùa-đẫy làu chán mà rất ưa làm mãi, người tò mò, kẻ thưởng-thức có thể giúm cho khoa-học được nhiều việc *to-tát, nhưng đấy không phải* là người khoa-học, mà cũng không phải là nhà triết-học vậy. Chúng ở nơi xa khoa-học triet-học cũng như người chuyên về kỹ-nghệ. Bởi chúng đùa đẫy, tìm sự khoái-lạc riêng cũng như người chuyên kỹ-nghệ tìm món lợi vậy.

« Ta đã từng rõ sự tò-mò có nhiều bậc, tính ham-chuốc nhỏ-mọn góp nhặt đồ-vật có hơi khác với sự trẻ con ham-mê đồ chơi, tính ham ấy xa cách tính ham cao-thượng hơn, trở nên sự hiếu-học, nghĩa là cái bản-tính hợp-tắc của nhân-quần, có thể lập thành cuộc đời cực trang-trọng vậy » (trang 124).

Theo ý tiên-sinh đã ngỏ đấy, *thì chỉ ai biết mộ khoa-học như* người mộ đạo, như người cao hứng vịnh thơ, mới xứng-đáng là một nhà trí-thức. Thật nhà khoa-học không những lắm trí-tuệ mà thôi đâu, ắt còn phải giầu tình-cảm về nhân *loại*; tiên-sinh đã viết một đoạn nữa rằng: « Khoa-học, mỹ-thuật, triết-học ngoài phương-diện nhân-quần, thì không có thể có nghĩa lý. Ai mà coi tất cả muôn vật, mắt thấy một tấm hình-thức của tinh-thần, chun đưa một bước tới gần ông Thiên-chúa (Dieu), thì kẻ ấy có thể biết được *muôn sự tận-mỹ*. Vì sẽ này phải nói rõ là chính giống người ta ở đây chỉ là một nét biểu kỳ: sự đẹp đẽ hoàn-toàn tại thiên đế, nghĩa là tại tất cả muôn vật mà thôi. Những công-trình tối cao-đại là những công-trình của giống người ta đã cùng làm nên, không có danh-hiệu gì riêng của ai có thể dính-líu vào đó được. Các sự-vật rất đẹp-đẽ đều vô-danh cả » (t. 194).

Các nhà sùng-bái chân-lý thành thực ắt phải công-nhận rằng tiên-sinh đã biết thấu đến tâm-hồn con người ta rất sâu-xa.

Tiên-sinh bàn về lịch-sử khoa triết-lý, thì nghĩ rằng: Lịch-sử ấy đáng nhẽ ghi chép những tư-tưởng *của nhân-quần*. « Trong mớ tư-tưởng thông thường của một dân-tộc về một thời đại nào, có triết-lý, có văn-chương, không *ai đã biên ra, nhưng phải kể đến* mới được. Người ta tưởng rằng một dân-tộc chỉ hồi nào có những công-trình vĩ-đại hiện thấy có rõ-ràng thì dân-tộc ấy mới có văn-học mà thôi... Nhưng mà những món xuất-sản về văn-chương của các dân-tộc còn ấu-trĩ, ấy là những điều tưởng-tượng huyền bí không chép ra (việc ghi-chép hợp tác phải dùng trí, duy dân-tộc nào có biết tư tưởng đến bậc khá cao thì mới nghĩ đến việc đó), những điều tư-tưởng lưu thông khắp cả nước, những cổ-lệ tổ-truyền xuống có hàng nghìn đường bí-mật, mỗi người theo một cách riêng để tồn cổ vậy » (trang 198).

Tiên-sinh đã viết thế, tỏ ra một nhà học sử biết cuộc hoạt-động của các dân-tộc xưa nay. Quốc-văn, quốc-hồn có phải chỉ ở đống sách vở mà thôi đâu: Về thủa dã-vãng trong một nước, như nước ta, chưa dùng đến chữ nho hay chữ nôm mà chép truyện ắt là phải dùng lối khẩu truyền, ấy là nguồn văn-học không viết ra, mà tiên-sinh đã lưu ý đến kia.

Còn về những sách vở đã xuất-hiện, Renan đã thấy có nhiều chuyện buồn cười, vì nỗi lắm người chân-thực tốn biết bao công phu để giải thích những điều chi-tiết về mẹo làm văn bài, cóp nhặt những câu tiểu chú, so-sánh những câu văn-từ có khác nhau của một nhà trước-tác nào đã cổ, thường thường chỉ vì văn làm kỳ-quặc, hoặc đáng liệt vào hạng thứ mà thôi. Tóm lại, chỉ vì họ không hiểu rộng lịch-sử tinh-thần con người ta với sự khảo cổ. Trí-tuệ khi đã tiến-hành khắp mọi nơi không-gian thì muốn quay trở về những điều đã tư-tưởng rồi. « Các người tân-tác thứ nhất không ngó lại đằng sau mình, cứ cặm-cụi đi, chẳng có ai dẫn lối, chỉ theo những nguyên-tắc bất hủ của bản-tính nhân-loại mà thôi. Nhưng rồi sau có một ngày kia, không làm thế nữa, khi có sách-vở đã khá nhiều để mà thu-tập so-sánh được, thì tinh-thần muốn tiến-hành chắc-chắn, biết đường rõ-ràng, bèn nghĩ đến sự đem các công trình đã làm ra mà đối cứu với những công-trình các thế-kỷ dĩ-vãng xem sao: đến ngày ấy thì có thứ văn-chương nghiền-ngẫm, lại có thứ khoa-học bác ngôn (philologie) đi đôi với thứ văn-chương kia » (T. 130).

Những nhời tiên-sinh viết ra đấy, thiết tưởng chẳng sai chút nào, về lịch-sử văn-chương các dân-tộc.

Các nhà sùng-học, chịu khó nghiên-cứu các nhẽ còn hồ-đồ chưa rõ, thường bị người đời quên-bỏ, không để ý đến chi, Renan khuyên ta phải biết ơn các nhà ấy, đã có công thử xét một vấn-đề gì, dẫu rằng tất nhiên không thể giải-quyết xong vì chưng-trước khi tìm được câu giải-quyết đúng, phải thử nhiều câu không đúng. Phải mơ-mộng tìm ra bài thuốc tiên bách giải, hòn đá hóa kim (pierre philosophale). Lại cứ nhời tiên sinh nói « Ta không thể trọng sự khôn ngoan vô-vị kia, trong lũ ta nay rất sùng-mộ, cứ chỉ trích những người ra sức tìm-tòi, mà chính mình thì cứ lý một nơi, không làm chi cả... » (trang 371).

Nhời tiên-sinh nói vậy, có nhẽ nghiêm-ngặt quá. Nhưng ta nên nhận rằng hạng người hay chỉ trích công-phu của kẻ khác, chỉ vì thích học mà đã chịu nghiên cứu cho rộng đường khiến-thức, đời nào cũng có, nước nào cũng có. Các nhà khảo-cứu cứ kiên-tâm!

Còn về đàng trí-dục, tiên-sinh đã vạch một lối rất thẳng-thắn như trong trang này:

« Điều thật, nếu mà sự trí-dục phải cứ để yên như hiện thời trong lũ ta, là một nghề-nghiệp riêng, một việc chuyên-môn thì đáng nhẽ không còn hy-vọng có hồi trí-dục ấy trở nên thông-dụng khắp-gầm giời. Trong một nước nào mà tất cả bàn-dân chỉ có nghề ngâm thơ, viết văn, triết lý thì nước ấy quái-lạ thật. Trí-dục đối với nhân-loại dù có cũng như không, nếu mà học chỉ để làm bài mà thôi, thì trí-dục vô-bổ. Lối văn chân-thực không phải lối văn của kẻ bàn phiếm chỉ viết

văn-từ vì văn-từ, chỉ lưu ý đến những sự-vật đã có kẻ nói hoặc đã viết ra rồi, chứ không lưu tâm đến chính những sự-vật ấy; không thích bản tính muôn vật, nhưng chuốc bài vận tả cảnh; thấy tâm sự gì bộc-lộ thì lãnh đạm, nhưng hễ có câu thơ nào kêu bày tâm-sự ấy ra thì mới thấu rõ mà thôi. Vẻ đẹp-đẽ tại nơi sự-vật; văn-từ là bức hình-ảnh, nhời tỉ-dụ: Văn-sĩ nào không bận lòng đến luân-lý hay triết-lý, vì ấy là bản-tính nhân-loại, nhưng bởi có sách vở bàn về đầu-đề ấy thì mới nghĩ đến mà thôi, thì cũng như nhà bác-học nào chỉ vì có những bài thơ vịnh về nghề canh-nông, những sách bàn về sự chiến-tranh, mới bận nghĩ đến việc canh-nông hay là sự chiến-tranh mà thôi vậy » (trang 394)

Tiên-sinh viết những giòng ấy có lẽ ám-chỉ hạng người chuyên việc làm cáo bạch cho các sách vở, chứ không phải có chân tâm hiếu học.

Còn lắm đoạn nữa, rất hay, tiên-sinh đã bày những tư-tưởng ít người đã nghĩ đến, ví như trong đoạn này:

« Có một thuyết tầm-thường trái với sự thực, ấy là trong hồi có biến-loạn, hồi cách-mệnh, không tiện cho việc thần-trí, nghề an-học muốn sản-xuất những công phu tuyệt-tác cần sự yên-tĩnh, nhàn-hạ, với các mỹ-nghệ thật đáng theo cổ-điển mà gọi là những nghề làm *bạn với hồi thái-bình*. Nhưng nếu đọc sách sử thì thấy sự vận-động, hồi chiến tranh, hồi bạo-động ấy lại là thực những nơi mà giống người ta mở-mang, chỉ trong những hồi ba đào, mới thấy nhân tài xuất hiện mạnh-mẽ, tất cả những công-trình tư-tưởng tân-tác nhớn-nhao đã gây nên trong những quang-cảnh nhiễu-loạn. Tất cả bao nhiêu thế-kỷ: duy có thế-kỷ thứ XVI hẳn là hồi thần-trí con người ta đã thi-thố sức cương-cường, sự hành-vi nhiều nhất, dủ tất cả trăm bề, ấy là thế-kỷ tân-tác hoàn-hảo. Không có qui-củ nào, thật thế, ấy là một khu rừng rậm cây cối sầm uất, ở đấy chưa vạch lối đi. Nhưng mà nẩy-nở biết bao công-trình !... » (trang 418)

Tiên-sinh còn viết thêm: « Chớ khinh-bỉ các sách-vở sản-xuất ở những thời-kỳ yên tĩnh, hòa-bình, bảo rằng tuyệt vô-vị. Sách-vở ấy thanh-nhã, khôn-khéo, hợp lý, đầy những ý-tứ bình-phẩm tinh-tế đọc thấy thú-vị trong khi nhàn-hạ, nhưng chẳng có tí gì là chắc-nịch, mới-mẻ không thấy chút gì tỏ ra nhân-loại hoạt-động, không có vẻ gì gần như các công-trình táo-bạo ở những thời-đại lạ-lùng kia, tất cả những tài-liệu của giống người ta sôi sùng-sục, thứ-tự nổi lên... » (T. 421).

Cứ như ý tiên-sinh thì việc tri-thức chỉ chuyên về nhân-quần mới có giá-trị mà thôi, nghĩa là chỉ lúc nào công việc ấy hợp với bản-tính con người ta. Tiên-sinh đã viết:

«...Cái nghĩa-lý to-tát của khoa-học với tôn-giáo rồi lại phát hiện ra trong hồi nào mà người ta lại nghĩ đến cuộc đời cũng chân-thực, cũng ít pha lẫn sự giả-dối nhưr cuộc đời thiết tưởng người ta ắt phải quan-niệm một mình ở giữa nơi rừng-rú châu Mỹ, hay là như cuộc đời người Bà-la-môn kia, khi thấy mình sinh-hoạt khá rồi, sắm-lắm xuất gia, quăng mành áo bậm, bơi ngược dòng Hằng-hà rồi đi đến đỉnh Hỷ-mã-lạc-sơn mà thác đó vậy. Nào ai đã chẳng có lúc một mình trầm-tư mặc-lự, đem tâm-hồn hạ xuống từng lớp lớp, gắng sức tự nối liền với nhau, đào xuốt tất cả những lớp bề mặt nông-nổi, qua từng nọ đến từng kia, mãi đến khi tới nơi đáy chân thực, ở đó phạm những thói đời đều tiêu hết, ở đó ra đứng đối-diện ta với ta, không giả dối, quyệt kế chi cả? Những khi ấy hiếm có, mà thoáng nhanh thường-thường ta sinh-hoạt trước mặt một người đệ tam, hẳn ngăn-cản sự ghê-gớm giao-tiếp ta với ta, sự thành-thực trong cuộc sinh-tồn ắt cần phải xuyên qua mảnh khăn trùm cách bức ấy, và cần phải đứng luôn trên nơi đáng chân-thực của bản tính ta để mà theo những ý muốn vô-tư xui khiến ta học-vấn, ta kính thờ, ta yêu-mến.

*(Xem tiếp trang 21)*

**Bá cáo việc riêng**

**Từ 1er Septembre 1943, ông PHAN KỲ-NÔNG không làm giao-dịch-viên (Agent commercial) cho nhà in «TRI TÂN» nữa. Vậy ai cần giao-dịch gì, xin điều-định thẳng với ông TRỊNH NHƯ LUẬN, Giám đốc nhà in «TRI TÂN» số 95-97 Phố Chanceaulme Hanoi.**

T. T.

# Tạo-hóa và nhân-loại

Số 7 MINH-TUYỀN

*Hỡi anh em xa đứng ngoài muôn dặm:*
*Nào người trong lầu tuyết cõi băng-dương.*
*Nào người dưới sóng lay nơi biển thẳm,*
*Nào người miền sa-mạc nắng trang-trang,*
*Không tới đặng hùng sơn Hi-Mã-Lạp*
*Để giơ cao ngọn đuốc, để ăn mừng,*
*Để dự tiệc «Loài Người này hợp nhất»*
*Hãy vui như tưởng đứng trên lưng-chừng*
*Giẫy núi đây, đang cùng nhau ôm, múa,*
*Đang cùng nhau cười ngất, lệ vơi đầy,*
*Và sướng quá như trái tim bung nổ*
*Để rượu nồng chộn máu uống thêm say.*

Núi ngồi, non đứng. Người vung đuốc cháy.
Đuốc nhẩy người réo Núi cựa, non lay.
Non lay, núi cựa. Người reo, đuốc nhẩy.
Đuốc cháy, người vung. Núi đảo, non xoay.

***

*Anh em hỡi! chén vui này vô giới hạn*
*Mà thời-gian mang lại tặng đời nay,*
*Bao thế-hệ nghìn xưa từng giốc cạn*
*Ở mộng lòng rực-rỡ ánh vàng bay,*
*Chỉ ở mộng mà thôi, Anh em hỡi!*
*Ở mộng lòng những bậc quá trông xa*
*Mà sinh-thời đã phải đeo tên gọi*
*Là điên cuồng, rồ giại, nói ba-hoa.*
*Song ngẫm kỹ, hoa tươi thơm ngào-ngạt*
*Ở trong vườn Nhân-Loại chúng ta đây*
*Đang tung cánh hồn bay lên bát-ngát*
*Cõi Văn-Minh tuyệt-đối mộng mơ say,*
*Là kết-quả công vun trồng tưới sửa*
*Của ông cha xứ xứ khắp năm châu,*
*Đã phơi sương, đổ máu, tung-hoành giữa*
*Vòng thế trận Trời gian rất hiểm sâu.*
*Và thực thể những lâu-đài dinh-thự*
*Về mục-nhân, tôn-giáo với tử-chương,*
*Về khoa học bao gồm trăm vạn thứ,*
*Về nhạc ca, mỹ-thuật với công thương,*
*Về tất cả những nhánh ngành hoạt-động*
*Xứng đáng làm tiêu-biểu của Văn-Minh*
*Mà thế-giới tự-hào hơn muôn giống*
*Khác Loài Người tồn-tại dưới trời xanh,*
*Bao nhiêu những lâu-đài dinh-thự ấy*
*Đều dựng xây trên hãn huyết tiền-nhân,*
*Trên nền tảng mà Trời dinh lật bầy*
*Bằng cơ mưu, chiến-cụ biến vô ngần.*
*Anh em hỡi! hãy cúi đầu, quỳ gối*
*Trong dăm ba mươi phút để âm-thầm,*
*Để lặng-lẽ để cùng nhau, sống lại*
*Khoảng thời gian tiên-tổ tự xa-xăm.*

Lim-lịm hồn mơ. Đêm khuya canh vắng.
Thoang-thoảng hương bay. Sao lặn sương mù
Quỷ khóc u-hu. Ma đi lững thững.
Nhạc huyền văng vẳng. Gió lạnh vi-vu.

*Anh em hỡi! trên lịch trình tiến-hoá,*
*Từ Người ta tản mác bốn phương trời,*
*Nhìn xanh thẳm, mơ theo làn khói toả,*
*Muốn ra đi, lòng ngại bước trông gai,*
*Không hề có một đường tơ liên-lạc*
*Giữa xứ này, xứ nọ với miền kia,*
*Không hề tưởng chốn chân mây xa lắc*
*Còn có người đồng-loại tắm chiều-huỳ.*
*Tới thời-đại, đã vê tròn quả đất*
*Ném vào vòng kiến thức rộng vô cùng,*
*Người vạn xứ sô nhau lên họp mặt*
*Trên võ đài thế giới để tranh hùng,*
*Sau lại biết tự nâng cao giá-trị,*
*Gác can qua, quyết dẫn cảnh binh-thời*
*Lên vinh viễn rồi hoàn-hô phát-thệ:*
*Sống từ nay xứng đáng với tên Người,*

(Còn nữa)
M. T.

# NGỌC-HÂN

## Kịch ngắn của Tân-Phương

Một bồi — Một cảnh.

Các vai :

Nguyễn Huệ — Ngọc-Hân công chúa.

*Đêm động phòng hoa chúc : Mười hai tháng bẩy, năm Bính-ngọ, niên hiệu Cảnh - hưng 47 (1785)*

***

Ngọc-Hân đứng tựa án thư mặt buồn rười-rượi.

Nguyễn-Huệ ngắm công chúa giây lâu...

*Nguyễn Huệ*

Lá ngọc cành vàng như ái-khanh,
Mấy ai đã biết
Anh hùng hào kiệt
Để lúc soi gương khỏi hận tình.
Cớ sao coi bi-thiết
Như ngao-ngán nỗi mình ?

*Ngọc Hân*

(cúi đầu chắp tay khẽ đáp)

Bẩm chúa công, hoa hèn cỏ dại
Được bóng tùng che vạn hạnh rồi.
Đâu dám giận duyên cùng tủi phận,
Dám đâu mơ ước chuyện xa xôi !

*Nguyễn Huệ*

Ta thấy lòng Khanh còn thắc mắc,
Âu sầu ủ-dột nét hoa xuân.
Duyên cớ làm sao Khanh giải rõ ?

*Ngọc-Hân*

Bẩm, lệnh đã cho, xin thực tỏ
Chút lòng u-uẩn với ân nhân,
Thiếp may gởi phận nhờ cao cả
Chắc trọn đời riêng được âm thân.
Song còn sinh dưỡng
Ân đức cù lao
Song còn xã tắc
Cơ nghiệp Lê trào...

*Nguyễn Huệ* (cười)

Tôn phù đế thất
Lời ta đã hứa há quên sao ?

*Ngọc-Hân*

Thân thiếp được còn, hay phải mất,
Sá gì phận gái buổi can qua.
Chỉn e dâu bể khuôn xanh định,
Cơ nghiệp tiên vương nát sử nhòa !

*Nguyễn Huệ* (trỏ vào mình)

Ta đây mưu lược
Trí dõng có thừa
Ta muốn tất được
Dẫu trời không thuận, cũng không thua.

*Ngọc-Hân*

Chúa công trăm trận trăm lần được,
Lừng-lẫy uy danh trùm núi sông,
Một tiếng phán ra là khắp nước
Rập đầu vâng mệnh...

*Nguyễn Huệ* (vội vàng)

Ấy ! Ta không...

*Ngọc-Hân*

Dạ ! Thiếp vẫn tưởng lòng chính trực
Chúa công diệt Trịnh, tôn phù Lê.

*Nguyễn Huệ*

Cho nên ta vẫn đinh ninh dạ
Cũng cố âu vàng xong, trở về.

*Ngọc-Hân*

Miền Nam, miền bắc giang san đó
Cương giới là đâu, bảo tộ đâu ?
Trộm nghĩ chưa yên bề thống nhất...

*Nguyễn Huệ* (gật đầu)

Nhưng cơ-đồ ấy sẽ bền lâu.

*Ngọc-Hân*

Vương phụ biết mình suy nhược lắm,
Triều thần lại bọn áo cơm thôi,
Cậy ai mà vững cơ đồ ấy,
Nếu chúa công không hiểu một lời ?

*Nguyễn Huệ* (cau mày)

Ta đã thề rồi
Non mòn biển cạn
Không lòng mưu phản
Sao vẫn chưa nguôi ?
Trên cùng Hoàng thượng
Dưới với triều thần
Nghĩa ta đã xướng
Đấy chúa, đây tôi...

*Ngọc-Hân*

Có bao giờ thiếp ngờ lòng trung-nghĩa
Của chúa công — ngàn dặm trẩy ra đây
Tôn phù Lê, thỏa chí hùng hiệp-sĩ
Chúa công nào mưu danh lợi riêng tây.
Nhưng trộm nghĩ miền nam còn thượng mệnh
Vương huynh ta cát cứ một giang san,
Mai mốt đây, biết đâu rồi chẳng lệnh

ĐÃ CÓ BÁN

*Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.*

BINH HO LAO

*những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao*
*Giá 4$00*

của **Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN**

TỔNG PHÁT HÀNH :

**Hànội** *Hiệu sách Đông Tây 195 Hàng Bông*
**Huế** : *Hiệu sách Vân Hòa 29 Maréchal Pétain*
**Saigon** : *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

*Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.*

776

Triện chúa công về, chỉ mới lại ban?
Chỉ mới đây, biết đâu không trái hẳn
Ý chúa công đã hẹn với triều Lê?
Với triều Lê chúa công dù nghĩa nặng
Nhưng còn tình huynh đệ cõi nam kia?

*Nguyễn Huệ* (lắc đầu)

Cõi nam kia, giang san ta gây dựng,
Quyền binh ta, mệnh lệnh ở tay ta...

*Ngọc-Hân* (mỉm cười)

Vương nghiệp kia chính chúa-công khai sáng,
Nhưng vương huynh thượng mệnh vượt sao qua?

*Nguyễn Huệ* (quả quyết)

Ra đây là ý ta
Xướng tôn phù đại nghĩa,
Riêng ta một ngọn cờ,
Riêng ta một ý-chí.
Ái-khanh hãy an lòng!
Ta có về Nam nữa, -
Sự thay đổi quyết không;
Một lời ta đã hứa,
Cơ nghiệp Lê tồn vong
Quan hệ tình hương lửa
Của ta và ái-khanh.
Vương-huynh dầu dị chí
Đế nghiệp muốn tranh hành,
Còn ta, đâu có dễ!

*Ngọc-Hân*

Thiếp mông ân chúa-công
Vì lòng trung nghĩa ấy...
(ngập ngừng)
...Nhưng đế nghiệp tranh phong
Nào giang-san có mấy!
Nam, Bắc lưỡng triều phân
Đế nghiệp dù thống nhất
Lê trào dễ đồng cân
Với Tây trào vương-thất!
Nếu sum-họp một nhà,
Giang-san gồm một mối,
Dứt hẳn nạn can qua,
Mở rộng thêm bờ-cõi...

*Nguyễn Huệ*

(Nhìn ngọc Hân dò xét, nghĩ ngợi giây lâu, rồi bỗng hân-hoan)
Phải rồi! Ta đã hiểu!
Ái-khanh thật chí thành.
Không những vì chữ hiếu.
Không những vì gia-đình,
Khanh còn vì lợi nước,
Lợi nước trên tình nhà.
Tranh phong nhau hơn được:
Làm suy nhược quốc gia!
Giang san nào có mấy?
Bày chi cuộc can qua!

*Ngọc-Hân* (mừng rỡ)

Tâm chí thiếp được chúa-công thấu xét
Thật may thay cho nước Việt từ đây!

*Nguyễn Huệ* (cầm tay vợ)

Sức anh-hào từ nay ta đã quyết
Làm cho cường thạnh Việt bang thêm.
Vua của ta là giống nòi dân Việt!

*Ngọc-Hân*

(ngước mắt, thành kính)
Ôi! Lời sao bao-quát và tôn nghiêm!

*Nguyễn Huệ*

Đêm hôm nay chính là đêm
Hồn nước Việt nhập vào thân đất Việt.

*Ngọc-Hân*

Và núi sông thiêng-liêng cùng tha-thiết
Mong một ngày chói rực ánh vinh-quang.

*Nguyễn Huệ* (say sưa)

Cho uy danh Tổ-quốc được bay sang
Đến những cõi cường-lân hằng tham vọng!
Tạ ơn trời ban cho ta trí dõng!
Tạ ơn vua cho ta vợ siêu phàm!

*Ngọc-Hân* (chắp tay lên ngực)

Chúa công là hồn-phách của giang-san

*(Màn từ từ hạ)*

TÂN-PHƯƠNG

NHÀ IN
**Tri-Tân**
*In đẹp — giá hạ*

Sách của
**Nhật - Nham TRỊNH - NHƯ - TẤU**
*a) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học Đường Đông Pháp*
*1) Trịnh-gia Chính Phả (in lần thứ hai)* *Giá cũ 0$40*
*2) Gương Luân-Lý (hết)*
*3) Hưng yên địa chí (in lần thứ hai)*
*4) Bắc giang địa-chí dầy 284 trang, có bản đồ phụ đính Giá cũ 1$50*
*b) Vị tiền. (Xã-hội tiểu-thuyết)* *0$25*
*Hoa xưa ong cũ. (Hài-kịch)* *0$30*
**Từ Hanoi đến Hồ Gươm Sẽ** (du-ký) *2$00*
**Đương in.** — *Uyên hải Tử Bình — Bắc-ninh địa chí Ngàn Cheo Đanh (Huyền-Đình-Sơn)*
*Có bán tại các hiệu sách nổi xa và tại địa-chỉ tác-giả:*
**Nhật-nham Trịnh-như-Tấu**
*Tham-tá phủ Thống-Sứ Bắc-kỳ*
*hay biên-tập-viên báo Tri Tân 95-97 Rue Chanceaulme Hanoi*

# TỪ HỘI-NGHỊ DIÊN-HỒNG
## ĐẾN
# HỘI-ĐỒNG HƯƠNG-THÔN

Số 3

KHUƠNG-VIỆT

Nơi nhóm của Hội-đồng Hương-thôn thường là một gian phòng rộng rãi. Viên nghị-trưởng ngồi đối diện với các ông Hội đồng trên một cái bệ cao. Giữa phòng là nơi ngồi của một thầy thông ngôn và bốn thầy thơ ký. Mấy thầy thơ ký có phận-sự ghi chép lại tất cả các lời bàn cãi, hai thầy chép bằng chữ nhôm hai thầy chép bằng chữ quốc-ngữ. Những lời được ghi chép sẽ dùng để thảo tờ vi-bằng của các buổi nhóm.

Muốn cho những buổi nhóm của Hội-đồng Hương-thôn có vẻ long trọng và nhơn đó tăng cao ý nghĩa của Hội đồng, một vài nghi thức được đặt ra để cho dân chúng Việt Nam, mà phong tục tập quan đã tạo cho họ có tánh thích lễ-nghi, thấy rằng công việc cải lương đó là một việc lớn lao bất thường. Bởi vậy các hội viên phải khăn áo chỉnh tề trịnh trọng sắp theo tuổi tác đi rước viên nghị trưởng đến tận nơi nhóm họp.

Trong khi bàn cãi ai cũng được tự tỏ bày tỏ ý kiến của mình không phải e dè sợ sệt. Nhà cầm quyền đã cố lời hứa không trừng phạt ai vì những ý-kiến bạo. Vả lại trong vi-bằng không được phép ghi tên những diễn giả.

Chánh-phủ chỉ trông mong nơi sự hiệp-tác của dân chúng đặng biết những sự lạm quyền để trừng phạt, rồi những điều cải-cách cần phải thi-hành trong vòng khả thể và không chạm tới phong-tục người Việt-Nam.

Cái mỹ-ý ấy được hiểu biết, nên các vị hội-đồng đã không ngần-ngại trổ tài hùng-hiện. Sôi nổi nhứt là vấn-đề thuế ruộng.

Thuở cựu trào một mẫu ta ruộng hạng nhứt phải trả một hộc lúa thuế chánh và ba quan tiền thập vật. Đến tân trào, nghị-định ngày 12 tháng 8 năm 1864 đổi món thuế trả bằng lúa ấy ra thuế trả bằng tiền và định là năm quan năm một mẫu. Và mẫu ta được đổi ra mẫu tây, cứ lệ là hai mẫu ta vào một mẫu tây. Nhưng tính theo giá lúa cao nhứt ở Sài-gòn lúc bấy giờ thì một hộc bán không trên ba quan hai. Như thế thì thuế thuở cựu trào của hai mẫu ta chỉ có sáu quan tư cọng với sáu tiền thập vật là bảy quan; trái lại thuế của tân trào là mười một quan sáu mỗi mẫu tây tức là hai mẫu ta (5 quan 5 x 2 cọng với 3 tiền thập vật x 2). Đó là chưa nói tới giá lúa ở các tỉnh còn kém xa giá lúa bán tại Sài-gòn, ví dụ như ở Vĩnh-long giá lúa không trên bảy quan tư một hộc.

Bây giờ ta thử so sánh món thuế mới với huê-lợi của một mẫu ruộng (mẫu tây). Lúc bấy giờ một mẫu ruộng tốt cho mướn mỗi năm độ 20 gia lúa, thuế về phần điền chủ chịu:

20 gia với giá 1 quan 5 một gia là. . . . . .30 quan

trừ ra { Thuế 11 quan 6 / Sở phí cho làng 4 tiền } = 12 quan

Chủ điền còn lại . . . .18 quan

Về phần người tá điền, ta không thể nói là họ có lời nhiều mà ít có người dám mướn một mẫu ruộng tới 20 gia. Tuy vậy ta cứ tính bạo rằng người tá điền, trừ các món sở phí ra còn được lời bằng hai chủ điền nghĩa là 36 quan. Vậy tất cả huê lợi thật của một mẫu ruộng là 66 quan (30 quan cọng với 36 quan). Trong số đó chánh-phủ và tân trào hết 12 quan, tức là 18,18 %. Như thế thì có phần nặng. Do đó vấn-đề thuế ruộng đã được các vị Hội-đồng đặc-biệt chú ý đến vì có quan-hệ trực-tiếp với đời sống của toàn thể quốc dân. Tất cả hội viên đều yêu cầu giảm thuế ruộng xuống như xưa.

Tuy nhiên chánh phủ cũng nhận thấy món thuế mới có phần nặng hơn thuế xưa. Nhưng phải chăng vì trong buổi đầu, khi khắp xứ đâu đâu cũng có cuộc đao binh làm trở ngại việc cày cấy, nhơn đó giá lúa lên cao và chánh-phủ lại dựa theo giá đó mà tính tiền thuế?

Ngày 30 tháng 9, các viên nghị-trưởng đều gởi vi-bằng các buổi nhóm của Hội-đồng hương-thôn về Sài-gòn. Một Ủy-ban do nghị-định ngày 24 tháng 9 năm 1869 đặt nữ cố quan thủy-sư đô-đốc cầm đầu xem xét các tờ vi-bằng ấy, cân những lời bàn cãi, những ý-kiến tỏ bày rồi định đoạt những phương pháp cần phải thi hành theo ý nguyện của dân.

Kết quả là ba vấn-đề sau nầy được sửa đổi và ban hành do nghị-định ngày 7 tháng 12 năm 1869:

1°) Thuế các sở ruộng có sẵn

địa-chánh đo rồi được giảm một phần ba.

2°) Lập thêm hai hạng thuế sanh-ý mới là 25 quan và 12 quan 5. Trước kia hạng cao nhứt là 600 quan và thấp nhứt là 50 quan, và cũng vì thuế sanh-ý cao nên các tiểu công nghệ không được phát-triển.

3°) Người Minh-Hương bị hoàn toàn sáp nhập với người Việt-Nam. Vấn-đề nầy không có ghi trong chương-trình nghị-sự của Hội-đồng Hương-thôn. Chính Ủy-ban khảo xét các tờ vi-bằng của Hội đồng đã thảo-luận đến vấn-đề ấy khi bàn về thuế của người Tàu, thuế sanh-ý và thuế ghe.

Về các vấn-đề khác như bộ sanh tử giá thú, sổ thâu xuất của làng cần phải được bộ Thuộc-địa bên Pháp chuẩn-y, nên chưa được thi-hành.

Tóm lại, mặc dầu Hội đồng Hương-thôn là một phương sách cai-trị tân-kỳ ở xứ nầy và người dân Việt-Nam đã từ lâu quen nhắm mắt vung theo mạng lịnh của các quan, chưa nhận thức rõ được ý nghĩa quan-trọng của sự cải cách đó; mặc dầu các hội-viên chưa thạo những phương-pháp tranh-biện, không có chọn người cầm đầu và không có thảo-luận trước với nhau để cho được đa số đồng ý-kiến và vì thế họ thường xung-đột với nhau vì quyền lợi riêng của từng làng: chẳng hạn như những làng có nhiều đất vườn xin giữ nguyên vẹn thuế ruộng và trái lại những làng có nhiều ruộng xin tăng thuế vườn, những kết-quả hầu được sau các phiên nhóm của Hội-đồng Hương-thôn đã hơn chỗ mong mỏi của nhà cầm quyền.

**Thống-chế Pétain đã nói :**

*« Cần rằng nông dân được quý trọng vô cùng, vì hồng dân cùng với binh-sĩ giữ một phần yếu trọng trong việc bảo vệ sự sinh tồn và an toàn của đất nước ».*

Hội-đồng Hương thôn là một thí-nghiệm về phương diện chính-trị và cũng là bước đầu của Chánh phủ Pháp trên con đường tự-do rộng mở cho dân bổn xứ.

***

1284 có Hội-nghị Diên-hồng của nhà Trần.

1869 có Hội-đồng Hương-thôn của Chánh-phủ Pháp

Hai việc làm cách nhau hơn năm thế-kỷ, thuộc hai chánh-thể và vì hai nguyên-nhơn khác nhau xa, nhưng cùng một ý nghĩa là trọng dân và cùng một mục-đích là trưng cầu dân-ý và tìm hiểu dân-tâm.

Chỗ dị đồng ấy phải chăng do hoàn-cảnh gây nên? Dầu sao, khi người dân được ân-cần để ý tới, tức là nhà cầm quyền còn biết trọng dân và nhìn nhận dân là phần-tử quan-trọng trong nước. Thử xét qua lịch-sử hoàn-cầu ta thấy rằng một nước thành lập được vững-vàng là do số dân đinh đông đúc. Từ chế-độ phong kiến đến chế-độ quân-chủ sức mạnh của người dân vẫn có và tiềm-tàng cho đến ngày lập thành chế-độ dân-chủ. Bởi thế dầu cho có vua tài tướng giỏi, bao giờ lực lượng của dân cũng vẫn mãnh-liệt hơn. Từ Đông sang Tây biết bao nhiêu đế-nghiệp ba-đồ phở dân gây dựng mà cũng vì dân tan-rã.

Nước ta trải mấy ngàn năm Bắc thuộc, người dân bị áp-chế đủ điều, được hấp thụ văn-hóa Trung hoa nhưng tránh khỏi nạn đồng hoá, vẫn giữ nguyên vẹn đặc-tính của giống Việt và luôn luôn tôn thờ một tổ-quốc riêng biệt thiêng-liêng.

Chẳng thế mà bao nhiêu anh-hùng từ trong hàng dân-dã xuất thân cứu quốc, dựng nên nghiệp lớn: Lý Nam-Đế (544 548) đánh đuổi Tiêu-Tư, Vua Lê Thái Tổ (1428 1433) từ Lam sơn khởi nghĩa diệt quân Minh, vua Quang-Trung (1788-1792) đại phá quân Thanh, đó chẳng là những bằng cớ còn ghi rành trong sách sử?

Bởi vậy bao giờ dân cũng là trọng. Nhưng muốn được trọng dân phải đáng mặt dân. Tiền-tiền ông có, căn-bổn còn, phận-sự tròn, ngày dân ấy mới đáng quí trọng và không làm tủi nhục Lồn thiêng của đất nước.

(Hết)

KHUÔNG VIỆT


**Đã có bán :**

*NGUYỄN TUÂN*

**QUÊ HƯƠNG**

512 trang. — In đẹp

Bản thường : 5$00

Bản Gió Ngàn (hết)

Bản Impérial Đại La : 20$00.

(còn một số ít)

**Anh Hoa**

*69 hàng Than Hanoi*

## Quyển « Đời sống thái cổ »

(*Tiếp theo trang 8*)

ra mà xem lại, thì sẽ thấy ở *Lễ-ký* chép một câu rằng : « Khổng-tử vị vi sô-linh giả thiện, vị vi dũng giả bất-nhân », nghĩa là đức Khổng-tử bảo người làm hình-nhân bằng rơm là phải, người làm bù-rìn bằng gỗ là bất-nhân (*Lễ-ký giải-nghĩa*, quyển 10, tờ 21 a) Lại ở *Mạnh-tử* có dẫn một câu của đức Khổng-tử nói rằng : « Thủy tác dũng giả, kỳ vô-hậu hồ », nghĩa là người chế ra bù-rìn bằng gỗ, có lẽ không có con cháu !

Xem như thế, thì đời thái-cổ chỉ dùng hình-nhân bằng rơm, đến trung-gian mới dùng bù-rìn bằng gỗ, rồi về sau hóa ra dùng người thật : « Dịch sô-linh nhi vi dũng, hậu-thế dĩ sinh-nhân tuẫn táng, sở tự lai hĩ », đổi từ lối dùng người rơm mà làm lối dùng người gỗ, đổi sau đem người sống chôn theo, là gốc từ đấy (câu này ở bài giải nghĩa *Lễ-ký*, quyển 10, tờ 22 a).

Lại xem như chuyện Thạch-sanh của ta, trong có một đoạn tương-truyền rằng ở làng của Lý-Thông thờ thần Mãng-xà, mỗi năm làng phải cúng một người thật để thần ăn thịt, sau Thạch-sanh giết được thần Mãng-xà...

Giá ông Nguyễn đức Quỳnh dẫn những việc như thế, thì người ta xem có ý-vị hơn, rồi nhân đó ông đem sách tây ra đối-chiếu, như tập *Revue des Arts asiatiques* (quyển 9, năm 1935, trang 96 107) có bài H. G. Creel. *Les récents progrès de l'archéologie en Chine* nói về lục đời Thượng đời Chu (khoảng năm 1766-256 trước T.-C.) đem chôn người sống ngựa sống, v. v...

Xem như thế thì ở Viễn-đông lối hiến thân không phải có từ đời thái-cổ.

Có đoạn ông Nguyễn đức Quỳnh theo sách tây cũ hoặc sách không có giá-trị gì, nên không đúng, như trang 81 ông chép bốn chữ « race arabe ou sémite », nghĩa là « giống » Ả-rập hay Xê-mít : chính thực ra chỉ có « giống » Xê-mít, mà ở Á-châu giống Xê-mít gồm cả người Do-thái, người Syriens và người Ả-rập, chứ không phải « giống » Ả-rập với giống Xê-mít là một (xem quyển R. Verneau, *L'homme, races et coutumes*, trang 273).

Chỗ nào ông Nguyễn đức Quỳnh dùng đến điển-tích của ta, thì ông cũng không chịu chọn, như trang 45 ông dẫn một câu rằng : « nhai trầu để trừ ô uế nên giăng đen » thì thật sai, vì ai cũng biết ở nước ta còn tục nhuộm răng.

Nếu dụng công tra-khảo, dẫn những sách có giá-trị, và viết văn cho gãy-gọn, thì cuốn sách này cũng có ích.

*Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

*Tùy hứng*

### Đêm hè

Tặng Huy Bình

*Đợi cánh nồm quen chở dịu về,*
*Vòm cao, trúc lặng gửi so-le.*
*Hương say nắng mới chồi ve tạnh ;*
*Bóng đọng canh oi giậu đóm lòe.*
*Bặt bặt hòn rơi hoa án sách...*
*Chìm chìm mộng rủ nguyệt song the...*
*Ưu-tư bốn cõi theo lòng quạnh,*
*Nhịp cuốc năm, ba, tự đáy hè... !*

*1943*
*GIẢN-CHI*

## Những ông nghè triều Lê

(*Tiếp theo trang 9*)

3. — Nguyễn-lý-Tường, người làng Bối-khê, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487 (chép theo bia Vặn-miếu và *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 35 a ; còn *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 33 a, thì chép nhầm là làng Bình hà, huyện Thanh-lâm).

4. — Đinh-trung-Thuần, người làng Bằng-xá, huyện Ý-yên, trấn Sơn nam. Năm 25 tuổi đỗ nhị-giáp tiến sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến thượng-thư (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 33 a).

5. — Bùi-đoan-Giáo, người làng Đại-điền huyện Bình-hà, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Năm Cảnh-thống 1500, làm chức thông sự tư-thừa. Phụng mệnh sung chức phó sứ sang nhà Minh tạ về việc sách phong và xin mũ áo. Làm quan đến chức tự-khanh (*Đăng khoa bị-khảo*, quyển Hải-dương, tờ 72 a ; *Khâm-định Việt-sử*, quyển 25, tờ 1 b). *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 33 a, chép làm quan đến chức thông-chính-sứ.

(*Còn nữa*)

Ứng hoè NGUYỄN-VĂN TỐ

## Phê-bình với văn-học-sử

(*Tiếp theo trang 6*)

Nhưng đến năm 1845, với bộ *Port Royal*, Sainte Beuve ngã về phía văn học sử. Là nhà văn học sử, Sainte Beuve vẫn có đủ các phẩm-tánh: học rộng, biết rõ về văn học cổ thời trải qua cận đại cho đến hiện đại.

Theo ca của Sainte Beuve, nhà phê bình rất có thể là nhà văn học sử. Có điều khi viết văn học sử, nhà phê bình lại không nên phê bình.

***

Ở đây, tôi muốn trả lời một câu hỏi:

— Độc giả nên đọc văn học sử trước hay đọc bài phê bình trước?

Có một hạng độc giả dưới biếng nhưng trọng đường giao-tế lại muốn tỏ ra ta đây đọc nhiều biết rộng; hạng ấy thường ít đọc tác phẩm của danh sĩ, mà chỉ đọc văn học sử và bài phê bình thôi!

Đọc văn học sử, họ biết qua thân thế sự nghiệp văn chương của tác giả.

Đọc những bài phê bình, họ biết rõ quyển sách nào hay quyển nào dở của từng danh sĩ.

Như thế thì đủ nói chuyện rồi!

Nhưng như thế thì nông-nổi lắm!

Ta cần phải chịu khó đọc tác phẩm của từng nhà văn để ta có được những cảm tưởng riêng của ta. Nhiên hậu ta sẽ đọc các bài phê bình để bồi-thực thêm cho tinh thần ta với các nhận xét sáng suốt và hoạn-ngộ của nhà phê bình. Sau rốt ta sẽ đọc văn học sử để được đi sâu vào thân thế và sự nghiệp của nhà văn ta ưa thích.

Ta đã biết giới hạn của phê-bình văn học là nối đuôi văn học sử.

Ta lại phải đọc văn học sử sau các bài phê bình.

Cái chỗ trái ngược ấy ta cần nên chú ý.

KIỀU THANH-QUẾ

---

## Bà lớn đười ươi

(*Tiếp theo trang 7*)

Đó rồi mấy tên ôm mang những hàng hóa đi vào trong dinh, lâu mãi vẫn chẳng thấy ra. Bọn còn lại ở ngoài bảo nhau:

— Sao mà họ vào mãi để cho bà hàng phải chờ lâu quá.

Bên lót thót chạy vào đến hết, chỉ còn trơ lại một cái kiệu với người bán hàng. Người bán hàng lại đợi một lúc lâu nữa vẫn chẳng thấy một người nào ra, rất là kinh ngạc. Người ấy thử đến bên kiệu sẽ hé bức rèm, thấy trong ấy chỉ có một con đười-ươi vận mặc quần áo đàn bà, trông thấy người thì biến sắc mặt, tiếng kêu e é. Hỏi nó thì nó chỉ nói luôn mấy câu *được rồi! tốt tốt!* Vào trong cái dinh thì thất dinh bỏ trống, không có ai ở, lại có cổng sau bỏ ngỏ có thể đi ra được. Biết là bị một bọn bầy trò đánh lừa, thế là mất sạch cả bao nhiêu hàng hóa. Người ấy thuê người khiêng cái kiệu về nhà, vừa tức vừa thẹn, đành chỉ lôi con đười-ươi ra đánh mấy chục cái và chửi rủa đứa vô lương lừa đảo mà thôi.

Trích dịch một bài chữ hán trong báo Đại Nam đồng-văn số 73 ra ngày 5 tháng 2 năm 1893.

TRÚC-KHÊ

## Hậu lai cách-trí

(*Tiếp theo trang 14*)

« Bởi thế, cho nên ai mà có cảm-tình chân-thật rất ham, hết sức sùng-bái cuộc sinh-hoạt thành-thực, thấy con trẻ tin-ngưỡng, cười nụ với tất cả muôn sự-vật, thấy cô gái không biết mình có nhan-sắc, thấy con chim hót trên cành chỉ để mà hót mà thôi, gà mái đi mạnh mẽ giữa đàn gà con nó. Ấy vì ở đó, có thần-tiên khỏa thân. Kẻ tinh quái chê-bai những sự-vật mà người thường dận với bậc đại-tài lưu tâm đến nhất, là chúng-sinh với lũ nhi-đồng. Đại tài ấy là sẵn đủ năng-lực bình-phẩm với những khiếu bẩm sinh của con người ta chất-phác. Đại tài là tiểu-nhi, đại-tài là nhân-dân đại-tài chất-phác. » (T. 468).

Chỉ xem một đoạn ấy, cũng đủ biết Renan tiên sinh không những là một nhà triết-lý sâu sắc, mà lại rất giàu tình-cảm đối với mọi sự-vật trong vũ-trụ. Có lẽ vì giàu cảm-tình ấy cho nên trong quyển sách «*Hậu-lai cách-trí*» của tiên sinh hồi còn trẻ tuổi đã làm ra, có đầy-đủ nhưng nghĩa-lý tối cao, mà giản-dị, đơn-sơ. Ấy là một pho trường-thiên ca muôn sự-vật, khiến ai đã đọc phải ngậm-ngùi, suy-xét mà có lúc không thể ngăn-cản được tấm lòng mến-phục công-trình kia hình như bất-hủ của tác-giả. (Hết)

*Thịnh-quang* ĐỖ THỨC

— NGÀI HÃY ĐỌC

Tạp-chí Hạnh Phúc, cơ quan văn-học, khoa học có các cây viết trứ danh như: Phan văn Hùm Kiều thanh Quế, Nguyễn văn Phấn, Vita, Phạm văn Điều, v v...

Trọn năm — 4 $ 00

Để mandat cho: *Phạm văn Điều 117 Faucault Saigon.*

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

# CHÂY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 4

CHU-THIÊN

III

*Ba chàng trẻ tuổi kia hết sức sửng sốt khi ra đến ngoài cửa, thấy thầy dạy mình vừa đi đến đây, xuống ngựa, đứng khoanh tay cúi đầu chào vị khách lạ kia vừa ở trong quán ra. Người này cũng ngạc nhiên nhìn người và ngựa kia từ đâu đến chân như do hỏi. Biết ý, người cưỡi ngựa kia vội kính cẩn nói :*

*— Thưa công-tử, chắc công tử còn lạ tiểu-đệ. Nhưng tiểu đệ mộ đại danh đã lâu và trộm được biết tôn nhan khi công-tử đến chơi với Tráng sĩ Vệ linh ở trên chùa Dận.*

*Người khách vui mừng reo lên :*

*— A ! Tiểu tốt này nhớ ra rồi. Thật là đắc tội quá. Xin hỏi mạn phép, có phải mỹ danh tôn ông là Bắc-Hồ ?*

*— Dạ ! bẩm chính vậy ạ ! Công tử nhớ dai thật, công tử lưu lại có một đêm mà cách đây đã hơn một năm trường.*

*— Dạ thưa tiên sinh, các bậc tài đức trung nghĩa như tiên sinh, ai đã có nhiệt tâm với việc đời đều phải nhớ đến.*

*Dạ ! Công-tử dạy quá vậy tiểu tốt đâu dám.*

*Rồi ngẩng lên trông thấy ba chàng trẻ tuổi đang đứng ngơ ngác lạ lùng ở trước cửa quan liền gọi :*

*— Ba anh Du-Lâm đứng làm gì đấy. Sao không mau lên chạy ra chào công-tử Hòa đao đây !*

*Ba chàng lại càng cuống quít lo sợ: Cái đại danh công-tử Hòa-đao khắp thiên-hạ còn ai là không biết : Con quan cố Thiếu Úy Lê sĩ-Hiển triều Lý, tục danh là Lê sĩ-Vinh, công-tử theo học các môn binh đao võ nghệ từ nhỏ, đã trở nên một tay nghĩa hiệp lừng danh khắp cả, nên mọi người đều tôn là Công-tử Hòa Đao mà không dám gọi đến tên. Ba chàng đã nóng nẩy rồ-dại trêu vào công-tử, bây giờ dầu hối lại cũng không còn kịp nữa, biết ăn nói làm làm sao cho ổn, lại càng thêm lo sợ. Bắc Hồ thấy ba chàng cứ rụt rè luống cuống không dám ra chào công tử, liền nổi giận quát lên rằng :*

*— Ơ hay ! Các anh mới ăn phải đũa con gái hay sao ? Đem thân đi theo đòi cung kiếm, hòng làm nên việc nghĩa, mà thấy bậc đàn anh xuất chúng, lại e thẹn như con gái không dám ra trình diện thì là nghĩa làm sao !*

*Ba chàng vội len-lét như mèo bị đánh, khúm núm ra chắp tay thi lễ trước mặt công tử và nhu nhú nói không ra lời mấy tiếng chào. Bắc-Hồ lại càng tức, cố nén cơn giận hỏi :*

*— Ơ hay ! làm sao lại đốn vậy ?*

*Công-tử Hòa-Đao vội vui vẻ đỡ lời :*

*— Thưa tiên sinh, có sao đâu ạ ! Chỉ vì lúc nẫy ở trong quán, ba vị tráng-sĩ đây, có chỉ trích tôi quá đáng về mấy việc thiên-hạ sự, nên bây giờ ba vị ấy hơi không được tự nhiên.*

*Bắc-Hồ càng lạ, hỏi giật :*

*— Thế nào ? Các anh ấy đã bàn gì với công-tử ?*

*— Dạ ! Nhân hôm nay cái ngày vui của bậc đại anh hùng vùng Gióng, các vị ấy đây cũng vui tận-độ với người trên, có tỏ ra tiên đoán cuộc thái bình thịnh trị như hôm nay sẽ lâu dài. Tiểu tốt có mạn phép nói mấy câu ngờ vực. Ba vị cố một mực cãi. Thế thôi !*

*Bắc-Hồ quay lại mắng ba chàng :*

*Có thế mà các anh cứ rụt rè. Lâm người con giai giữa thời này phải biết tự trọng và trọng người, tự tin và tin người. Các bậc đàn anh bao giờ cũng lịch lãm hơn, độ lượng hơn, và biết nghe theo lẽ phải hơn, nhất là công tử đây. Trong khi vô tình không biết mà nói thẳng ý nghĩ của mình ra, hay thì công tử tất nghe theo, mà dở thì công tử đời nào chấp mà sợ, có phải thế không nhỉ công tử nhỉ ?*

*Hòa Đao tươi cười đáp :*

*— Bẩm vâng, chính thế ạ !*

*Bắc-Hồ cũng vui vẻ nói :*

*Thế xin rước công tử giở lại quán cho tiểu tốt được hầu chuyện về thiên hạ sự, để lĩnh lấy ít lời chỉ giáo.*

*— Thưa tiên-sinh, tiểu tốt đâu dám thế ạ !*

*Bắc-Hồ cười tiếp :*

*— Công-tử đã quá khiêm tốn như vậy, tiểu tốt cũng đành chịu. Nhưng xin công tử vào chơi trong quán cho tiểu tốt nghe biết ý kiến về việc hôn-nhân của đức vua Chương-võ hôm nay.*

*Hòa-Đao lại tươi cười đáp :*

*— Xin đa tạ tiên sinh nhưng xin tiên-sinh xét cho rằng vừa ở trong quán ăn uống xong xuôi rồi đi ra, nay lại giở vào như thế không tiện là điều thứ nhất. Hai là những ý tiểu tốt nghĩ đã trình bầy với ba vị tráng sĩ đây rồi, tiên-sinh cứ hỏi lại tất rõ, bất tất phải nói nhiều thêm rườm tai tiên sinh.*

*Bắc-Hồ cố nài :*

*— Công tử không bằng lòng vào quán thì thôi. Nhưng công-tử cũng nên rộng lòng cho tiểu tốt rõ cao kiến của công-tử đối với mọi việc bây giờ.*

*Hòa-Đao ngần ngừ giây lâu rồi mới chịu nói :*

— Phàm mọi việc ở đời, không thể trông ngoài mặt mà xét định ngay được. Phải trông bao quát cả toàn thể và truy rõ cả căn-nguyên, rồi mới đảm-hạ lời phán đoán. Tiên sinh đã có lòng ban hỏi, không lẽ tiểu tốt không thưa, mà thưa trình thì không được... Không được rành mạch...

— Dạ, công-tử dạy quá. Xin công-tử cứ vui lòng chỉ bảo cho!

Hòa-Đao ngần ngừ một lúc lại nói :

— Cứ thiên-ý xem ra, thì không khéo đức vua Chương-võ mắc mưu Trần thủ Độ mất. Vì hắn xảo quyệt lắm. Việc gì mà không lợi cho hắn là quyết nhiên hắn không làm. Vậy tiểu tốt lo rằng rồi ra thiên hạ còn rối bời nhiều việc lam, không có thể lường trước được.

— Công-tử nghĩ thế hơi thiên, đức vua Chương-võ đã nghĩ đến điều đó. Ngài nhận lời của Trần thủ-Độ là tỏ ra tàng độ lượng hơn bên địch mà thôi. Vả nhân kế của họ, bằng họ có lập kế cháng nữa, ngài dừng quản nghĩ ngợi, rồi thế nào ngài chả tương kế tựu kế mà địch với họ

— Lấy những bằng chứng gì mà tiên sinh bảo là ngài sẽ tương kế tựu kế được với họ ?

Thấy Bắc-Hồ đứng im ra chiều nghĩ ngợi, công-tử tiếp ngay :

— Tiểu tốt có chút việc vội xin tiên-sinh tha lỗi cho, không được hầu tiếp tiên-sinh lâu, tiểu tốt lấy làm tiếc lắm. Có gặp tráng sĩ Vệ-linh, xin tiên sinh đạt hộ thiên-ý của tiểu-tốt, để đợi cao kiến của đàn anh chỉ bảo...

Không để cho công-tử kéo dài mãi lời nói kiểu cách lễ phép ấy, Bắc-Hồ cắt đứt :

— Xin công-tử lưu lại chút đã. Có kịp tiểu-tốt xin lấy ngựa đưa công-tử đi cho mau.

Hòa Đao không muốn kéo lần câu chuyện nữa, và phần muốn cho mấy người kia tiện nói chuyện với nhau, liền thoái thác ra rằng :

— Xin đa tạ tiên-sinh, tiểu tốt không dám quá lạm dụng như vậy. Vả, tiểu tốt còn đi nhiều đường đất, dùng ngựa của tiên-sinh thì không biết bao giờ đem giả lại được.

Hòa Đao cười vui vẻ nói tiếp :

— Hay là tiên-sinh cho đứt tiểu-tốt con ngựa này vậy

Bắc Hồ cũng cười đáp theo.

— Chỉ sợ công tử không nhận thôi chứ !

— Tiên sinh không cho, chứ cho tiểu tốt xin bái lĩnh ngay.

Nói vậy, rồi Hòa Đao cúi đầu lậy chào Bắc Hồ và ba chàng trẻ tuổi :

— Xin lậy chào tiên sinh, .. kính chào ba vị tráng-sĩ. Ước ao còn lắm dịp hậu hội để bàn bạc thêm nhiều điều lợi ích.

Bốn người kia cũng chắp tay vái, cúi đầu chào lại :

— Xin lậy chào công tử lên đường có điều gì lầm lỗi xin công tử vạn xá đi cho.. Mong thỉnh giáo công-tử còn nhiều.

Công tử Hòa-Đao liền cúi chào một lượt nữa, rồi đi thẳng, kệ cho bốn người kia bàn tán ở sau lưng. Công-tử lên miền Bắc đã ba bốn hôm nay. Được tin Nguyễn Nộn đã ưng lấy công chúa họ Trần, theo như lời Trần thủ Độ, lại đương sửa soạn để làm lễ cưới, công-tử vội vàng, lên miền Thiên đức, dò xem sự thực ra sao. và nhân thể, xem tình hình dân gian miền Bắc đối với việc này thế nào. Chàng đi không kịp trình với Đông hải Đại vương. Chàng tin rằng việc này quan trọng lắm. Chàng cần hiểu rõ thấu đáo mọi nguồn gốc, nội tình với ngoại cảnh, để tìm lấy một động lực chân xác rồi mới về thưa với Đông-hải đại vương, liệu bề xử-trí.

Nay cái mục đích ấy đã đạt rồi, công tử vội vàng giở về, đi đường tắt thẳng lối Yên nhân. Đến tối sẩm, công-tử mới về tới nơi, xin vào hầu ngay. Vì là bậc tráng sĩ cao cấp trong miền, đã lập nên nhiều công trạng hiển hách, nên quân thị vệ vội vàng kính-cẩn đưa chàng vào trong chính điện hầu Đông hải đại-vương.

Qua một dãy hành lang đến cửa điện, một tên lính túc-vệ, đai-nịt gọn gàng, chống gươm đứng cạnh ở ngoài, trông thấy công tử liền cúi rạp đầu xuống thi lễ chào, rồi mở cửa chạy lọt vào trong điện. Một lát sau, Đoàn Đông hải đại-vương thân theo tên lính túc vệ ra đón công tử Hòa-Đao. Ngài tươi cười đon đả hỏi ngay.

— Công-tử đi đâu mà tới thăm ta muộn thế ? Có việc gì cần ?

Hòa Đao không còn kịp giữ lễ nữa lâu ngay

— Tâu đại vương, tiểu tướng vừa ở miền Bắc dự đám cưới tráng sĩ Phù minh về, xin vào tâu việc.

Tươi cười và điềm đạm, ngài phán :

— Tốt quá nhỉ xin mời công tử vào chơi trong này ta nói chuyện

(Còn nữa)

CHU THIÊN


Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p·00 một vé



Đã có bán

Văn hào Tolstoï

Khảo cứu của Ng. phi Hoanh

Tựa của Phan văn Hùm

Giá 2$40

ĐÀN BÀ VÀ NHÀ VĂN

Khảo cứu của KIỀU THANH QUẾ

Giá 1$20

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT

99, LAMLOT — Hanoi

*Đã xuất-bản*

## CHINH-PHỤ NGAM

của thư-x[illegible] xardre de Rodes bản dịch Pháp-văn của Bùi-văn-Lăng

Cuốn sách thứ nhì trong một tùng-thư, có thể dùng trong ban trung-đẳng cổ-điển Viễn-đông. Theo cách trình-bày ở bộ KIM VÂN KIỀU của ông Nguyễn văn Vĩnh dịch Pháp-văn.

120 trang khổ 17 × 23, bìa hai màu, có nhiều tranh ảnh của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh.

Bản giấy thường 1$50 — cước 0$47

Bản giấy Đại-La Impérial 5$00 — 0$90

mua lĩnh hóa giao ngân, kèm thêm 0$30

Tổng phát-hành
**MAI-LINH**
*21, Rue des Pipes, Hanoi*

*Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.*

## VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

*Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN-VĂN NGỌC*

*« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng có điển tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn. Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho xuất bản tập « Văn liệu Từ-điển » giảng rõ những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển cố, thật là một cái công lớn với quốc-văn vì tập sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn một phần lớn ».*

*Trích thư của*
*Đốc học Nguyễn Quang Oánh*

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 × 25

Giá bán lẻ có 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

**Ô. Quảng-vạn-Thành**
*16, Phố Lê Lợi — HANOI*
*51, Doumer — HAIPHONG*

*ĐÃ CÓ BÁN :*

## KHẢO LUẬN VỀ KIM VÂN KIỀU

*ĐÀO-DUY-ANH*

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm, có phụ cả *Thanh-hiên thi tập* và *Bắc-hành tạp-lục.*

Giá **2$40**

**VĂN HÓA**
*29, Maréchal Pétain — Huế*

*Tủ sách*

## « TÂN VĂN HÓA »

HÀN THUYÊN PHÁT HÀNH
*71, Tiên-Tsin — HANOI*

HAN THUYÊN — Mới có bán

**Thượng cổ sử : AI CẬP**
*của NG. ĐỨC QUỲNH*

*ĐÃ XUẤT BẢN*

**NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ**
*của BÁCH KHOA*

**GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI**
*của NG. Đ. QUỲNH*

**ÓC KHOA HỌC**
*của P. N. KHUÊ*

**ĐỜI SỐNG THÁI CỔ**
*của NG. Đ. QUỲNH*

**NGUỒN GỐC VĂN MINH**
*của BÁCH KHOA*

Mua 1 cuốn trả tiền trước kèm 0$40 cước.

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi